

# TỤC CAO TẶNG TRUYỆN

## QUYỂN 17

### CHƯƠNG III: TẬP THIỀN

#### TRONG PHẦN 2 CỦA CHƯƠNG III

(Chánh truyện có mười một vị, phụ có chín vị).

1/ Truyện ngài Thích Tuệ Mạng trụ chùa Thiện Quang ở núi Tiên Thành thuộc Hoà Dương, thời Bắc Chu (Đái Qùy, Tuệ Lăng, Tuệ Hiếu).

2/ Truyện ngài Thích Tuệ Tự ở Hành Sơn thuộc Nam Nhạc, đời Trần.

3/ Truyện ngài Thích Trí Khải trụ chùa Quốc Thanh ở núi Thiên Thai, Quốc sư Trí Giả, thời nhà Tùy.

4/ Truyện ngài Thích Đàm Sùng trụ chùa Thanh Thiền ở Kinh đô, đời Tùy.

5/ Truyện ngài Thích Tuệ Việt ở Nội Đạo tràng Tuệ Nhật, đời Tùy.

6/ Truyện ngài Thích Tuệ Thật trụ chùa Lý Đạo ở Tương Châu, đời Tùy.

7/ Truyện ngài Thích Tăng Thiện ở núi Mã Đầu thuộc Quận Văn Thành, đời Tùy.

8/ Truyện ngài Thích Huyền Cảnh ở Nghiệp Hạ thuộc Tương Châu, đời Tùy (Huyền Giác).

9/ Truyện ngài Thích Trí Thuấn ở núi Chương Hồng thuộc Quận Triệu, đời Tùy (Trí Tấn).

10/ Truyện ngài Thích Trí Giai trụ chùa Đại Lâm, ở Lô Sơn thuộc Cửu Giang, đời Tùy.

11/ Truyện ngài Thích Trí Việt trụ chùa Quốc Thanh ở núi Thiên Thai, đời Tùy (Bát-nhã. Pháp Ngạn).

***1- Truyện ngài Thích Tuệ Mạng trụ chùa Thiện Quang, ở núi Tiên Thành:***

Thích Tuệ Mạng, họ Quách, người ở xứ Tấn Dương thuộc Thái Nguyên. Sư là con cháu của Trưng Sĩ Quánh Kỳ đời Tấn. Sư ra đời vào năm Tân Hợi, nhằm niên hiệu Đại Thông thứ năm (531) thời Nam Lương tại quận Trường Sa thuộc Tương Châu. Bẩm tánh Sư anh tú, dáng dấp đẹp xinh, vượt trội đồng bạn. Tuy ở độ tuổi tươi đẹp, nhưng mọi người đều kinh lạ, giữa khoảng thời gian mộng tỉnh, ánh sáng tiếp xúc vào thân Sư, tỏ ngộ rõ ràng, rất đặc biệt. Bấy giờ các bậc danh tăng ở quận Tương đều nói với nhau rằng: “Trần Xà-lê, Địa vị khó lường biết, nhưng vào nhà Như Lai tức là Tuệ Mạng!” Nên Sư tự kết tóc, ngày một khai mở rộng rãi.

Năm tám tuổi, Sư đã giỏi thi thư, thể mạo bất động, hàng thức giả biết Sư không phải là khí độ tầm thường. Nhưng Sư bén nhạy tinh tấn nghe học tu tập, khéo vào nghĩa sâu, nên khiến lý vượt ngoài văn, soi chiếu ra trước căn cơ, trí chẳng kinh hãi ngu, trắng trong chẳng vượt tục. Gần Đạo mà xa vật, mọi người trong châu ấp đều ngợi khen, quý trọng.

Năm mười lăm tuổi, Sư tụng Kinh Pháp Hoa, chỉ mới hai tuần mà nửa bộ đều thông hết. Sau đó, Sư cáo tóc xuất gia, học không có thầy cố định. Sư chuyên hành trì các pháp sám Phương Đẳng, Phổ Hiền v.v... xét lường y cứ ở Kinh Hoa Nghiêm để đạt đến Minh Đạo, thực hành từ Tương Miện. Nghe hai Đại Thiên sư Ân Quan và Tiên Lộ, cách xa ngàn dặm mà rất nhiều người cùng hướng tâm về, Sư bèn đến theo học.

Sau, Sư đi đến núi Tiên Thành, tức Bốn địa của vị tiên Cổ Tùng. Trước kia có Đạo Sĩ Mạnh Thọ, ẩn cư đã nhiều năm, cầu tâm trở về chánh, sẽ thành đạt sở nguyện, bèn xả thí Quán đang ở sung vào xây dựng chùa tháp. Và ngay đêm, Ngài (Tuệ Mạng) chưa đến núi, Mạnh Thọ bỗng nhiên hoảng hốt như nằm mộng, thấy vị thần cao lớn nghiêm vệ đứng bên cạnh Quán. Đến khi tỉnh giấc vừa kinh hãi vừa mừng vui, lên đánh núi buồn bã ngóng trông, bèn thấy chư tăng đông đầy cả rừng, từ lúc ngài Tuệ Mạng đến, Mạnh Thọ liền hướng đến lễ bái ra mắt và xả thí chỗ đang ở sửa thành chùa Thiện Quang. Mọi sự cúng dường sắp bày la liệt, chúng bạn đều nhóm họp. Về già Sư đến Châu Trị, giảng Kinh Duy-ma, bến bờ của Đại Thừa ngự giá, vết tích của nhập Đạo thừa huyền. Diệu Chỉ của Thiên Trí đều trải qua. Đã mãn ba tháng, Sư bèn từ già bốn Bộ, chỉ mang Y bát tùy tùng trở về núi rừng xưa.

Có Thiên sư Pháp Âm là người cùng quận Kỳ, vốn họ Vương,

không nói mà biết rồi, cả hai Ngài được làm bạn, đồng đến chỗ Thiền sư Năng trụ chùa Quả Nguyên ở Trường Sa, tu học Tâm Định chưa được mấy tuần thì Pháp Môn đã khai phát, dò hỏi chất vấn đọi nghi, bèn suy nghĩ thưa hỏi. Sợ mất chánh lý, nên thưa hỏi khắp các bậc tài đức. Bắt đầu từ Giang Nam, cuối đến Hà Bắc, gặp được hai Sa-môn Tư và Mạc, mới dứt được nghi ngờ vướng mắc. Sau, cùng trở về núi Tiên Thành. Chỉ ở được năm năm, Sư dự biết được ngày thị tịch, bèn nắm tay ngài Pháp Âm vào giữa rừng thông, cùng nhìn nhau cười, nói: “Hai chỗ ở này, tiện co việc thị tịch!” Vị thị giả mới nghe qua nên chưa tỏ ngộ. Chưa đầy tuần trăng thì cả hai Ngài đồng thời bị bệnh. Ngày mồng năm tháng mười một niên hiệu Thiên Hòa thứ ba (568) thời Bắc Chu, tinh thần Sư vẫn tỏ sáng, không lâm lẩn, Sư ngồi kiết già xoay mặt về hướng Tây, niệm danh hiệu Phật, đều thấy Phật đến, Sư bèn chấp tay thị tịch. Đồng chúng có vị nằm mộng thấy các vị trời xuống đất, cờ phướn soi chiếu sáng như mặt trời. Lại nghe trong phòng nhà có tiếng xướng “Lành thay!” Mùi hương thơm lạ, tiếng nhạc ngân vang, thoảng nghe chẳng phải chỉ một lần. Qua ngày mười bảy tháng đó (11) thì ngài Pháp Âm cũng an tọa tại Bồn xứ, các điềm lành hiện ra cùng đồng như thế. Cả hai Ngài (Tuệ Mạng, Pháp Âm) là hai bậc hiền, cũng đồng ba mươi tám tuổi, ở dưới rừng cây, dùng gạch xây dựng mộ tháp phụng thờ hai Ngài.

Ngài có đệ tử là Cư sĩ Trịnh Tử Văn lập bia tại chùa, Môn nhân là Tuệ Lăng, Tổ truyền Đạo nghiệp của Ngài chẳng để rơi lạc Thiền phong. Hoá hành khắp xứ An Miện, đạo sáng lan tỏa dưới đời Tùy.

Ban đầu, ngài (Tuệ Mạng) cùng Sa-môn Tuệ Tư định nghiệp thì đồng, nhưng tán khởi hành sở, từ thể cao duỗi thì Sư thật vượt hơn. Tâm thiền vị sâu, tiếng tuệ tràm xa. Sư có soạn “Đại Phẩm Nghĩa Chương”, “Luận Dung Tâm”, “Hoàn Nguyên Cảnh Hạnh lộ nan tường Huyền Phú.” Trình bày thông suốt lý Phật, các hàng thức giả đều tụng văn, hoặc ẩn dật chưa hiểu thì có người chú giải, người đời tôn sùng, quý trọng. Sư tự ở tại phòng nhà nơi chốn núi rừng. Đồ chúng theo học, nổi tiếng khắp cả Nam Bắc.

Sư có đệ tử thọ giới Bồ-tát là Đái Quỳ ở Tế Bắc, là người có sở học tiếng tăm sớm vang khắp. Tên tuổi đến khắp các nước, có người gửi thư đến tỏ bày với Sư rằng: “Trộm nghĩ: nước sông Vị thì trong, nước sông Kinh thì đục, cùng lẫn lộn phát nguồn từ Triều Tông. Cây thông cao vợi, mũi tên ngắn bé, đồng mang tính chất kiên trinh. May dự Hàm linh, Ngũ thường lý nêu phạm vi trong Tam giáo, thật dùng quyết lý Nho đồng, mở mang Kinh Lễ ở Thù Tế, Khổ Huyện Ca-diếp đời đời

Diệu Đạo ở sa mạc. Tuy cùng trong trời đất, che trùm hạn cuộc trong một đời nay, đâu như xoay bánh xe chánh pháp ở Lộc Uyển, quét sạch vọng tưởng ở Thứu Sơn. Bán mãn đã trình bày, quyền thật hiển hiện ở đó. Thật ra giáo có cạn sâu, người không trong ngoài. Thiền sư (Tuệ Mạng) Đức độ chấn động vang xa, Hạnh cao vượt ngoài chúng sinh. Nhiếp thọ tứ y, nhân chần dề mà thành thuộc lòng. Mang rường sách đi ngàn dặm, trải qua cung rộng, mà bao gồm. Nên có khả năng trong suốt chín bộ, gồm cả Bí tạng của núi Tuyết, ngoài kiêm bảy lượt đủ cả Điển phần của Bích Thủy, Minh Châm của Chi Tuần Thiên Thai, Văn Ký của Trúc Chân La Phù. Bảy ngọn Đàm Phú, mười ba sông Thải Vịnh. Bảo sư Diệu Tích Trang sinh, Cừ Công soạn luận Biểu Tập, như nuốt mây mộng, như chỉ trong lòng bàn tay, thêm nhờ khéo giữ tịnh giới như gìn giữ hạt ngọc sáng, giỏi hành luật nghi, thí như đến Huyền Cảnh. Bấm mật hạnh của La-hầu, gieo ruộng phước của Tân-đầu, vỡ rót nước Định, tiện lên Giác Quán, cao che Thiền Chi, cùng vượt Hỷ Xả. Vì vậy chẳng xa Tiêu Tương, cùng đến Miện Lục, cắm gậy ở Long Tuyền, bèn làm tính xá, xoay xe về Mã Đầu, liền xây dựng Già-lam. Đục núi làm khám, đâu giả nhóm cát thành tháp. Nhân núi tạo vườn, không nhọc trải vàng mua đất. Các bậc Khai sĩ nhóm họp rũ tay áo tợ hoa âm. Bàn đạo đồng đức, chúng ngang đồng mà chấn xuống. Thiền thất sáng sớm, thoảng hương thơm Đổ-nhã, Chi-đề chiều tối mở tạ vào Đào Nguyên. Hương Sơn vang tiếng Phạm, cùng Nguyễn khiêu đồng phát. Nguyệt Điện âm ba huyền diệu cùng Tôn Cầm mà Ngang Vận. Lọng tím đeo thông bèn phát cao biện, Hồng Ngạn Thần tỉnh tức ánh ngời Cao tâm nên dùng tài có khả năng mua núi, đức xa đồng liễn, núi Cao Cảnh hạnh, tường nhận treo tuyết.

Đệ tử nghiệp phong khoa lo, biển đục đăm hình, kịp đến Chử cung chìm đắm, cùng trải qua hai năm, ngày mỗi một ngồi chờ đợi, đêm buồn bã bồn chồn mộng my, chưa thể quên nhớ nghĩ, đây kia kết quy cùng theo vết Nhất thừa, bỏ hết cõi lòng, mở sáng ba đạt. Đã nghĩ chuốt vấn vít càng thương chim buộc ràng. Xưa kia, ở tuổi chí học, nhà trao ban tặng sách. Năm lễ ưu nhu, ba huyền no chán, vả lại bật dứt lê biên, soạn thuật giềng mối khác, nhân đến tuổi hai mươi, nhật lấy Bách Gia, mãi đến lúc theo nghiệp làm quan, lưu luyến văn bút. Tuy chưa thể tham tìm Long Môn mà bước lên Cối kê. Phú chim Ri mà Vịnh anh vũ. Nếu cầu một phần ấy cũng là râu tóc của người xưa. Chỉ tỏ ngộ sâu xa chùm bọt, tình buồn choàng vai, thường muốn lột xác thế tục, mở tham vị chân như. Một ngày Vân Thành hứa tu, Quán cao đến đầu gối, tình

mừng buộc tất, gập đồng dẫm tiến tới, chưa cởi hết vạt áo, vội than nhanh chóng. Sau đó, rũ áo lưới đời, mở giày vương tở. Sóng xanh rửa dãi mũ. Hán âm ôm lấy vò, đi chuyển chín chuyển, để xua tan lo buồn u tối. Tạm tỏ ngộ ba Không, đồng lên khổ nhần. Tiên lương xem ngọc, chẳng phế bỏ việc theo thầy, khe sâu bể Đào, chẳng ngại thưa hỏi, chỗ mong cầu Di Thiên Thắng khí, chột đáp đục răng. Nhận môn cao luận thời đáp khách tốt lành, Đông ấm như xuân, mong kính quý khuôn phép trong sạch. Nhà gần người xa, càng quanh co dãi áo, ngoài ra, các từ khác cạn chọn, trông mong trở về rừng sâu vàng ngọc!

Sư có thư trả lời Đái Quỳnh rằng: “Nhất chân thường vắng lặng, xét Diệu bấy giờ là đồng huyền. Muôn Thánh nương cơ, nghịch thuận vì đó mà khác vết. Vì thế, cửa Tây mở sáng Đạo, đồng phía Đông bàn về Nhân, gọt giữa sửa đổi Công, Hữu Vô khác trực. Nay nếu gồm cả hai môn ấy, vốn từ Lương giáo, há chẳng quy tông ba Chuyển, hội nhập vào năm thừa, nương cạn đến sâu, mượn quyền bày thật. Ấy như ao phân ra bốn dòng nước bắt đầu khác tên. Biển thu nước của nước sông, không hề có mùi vị khác. Đàn Việt từ thưở nhỏ tài đã vượt trội, sớm có hoài bão đẹp xinh tiếp nối. Hoa từ vượt hơn đời, tao nhã cùng cực tham Huyền, trí trải qua năm Minh, học gồm ba Giáo. Ích lợi ấy có thể quên, dẫm lên khuôn phép của Nhan sinh, vất bỏ vì Đạo, kính mến vết Huyền của Lý thi, tuy đáp bằng sáu kinh mà gồm rộng cả, trăm nhà dôi dào. Thánh Hiền khác chuẩn mực, Nho Mặc phân dòng phái. Hoặc việc rộng Văn nhiều, hoặc lời cao mà ý chỉ xa. Không gì chẳng nhận nạp như bình thọ nhận, nói tở như khúc sông, gương sáng chẳng gợn sóng. Hồng chung mặc tình gỗ, ông dùng Văn đặc biệt xây dựng, hổ thẹn với cao thú. Nên tuy là Tần sở phân chia thành cũ, Chu Lương sửa đổi phong tục, lọng xanh mành trắng, giá của Ngọc Quy chẳng đổi thay. Rongnằm phụng đậu, giao của cả nước không khác. Thêm vì nhận thức soi xét khổ không, chí bày trần tục. Thân tuy ở lang miếu, nhưng chí ở giang hồ. Cho nên thuộc tán kéo tở, lưới đời mở lời, từ đồng như Ứng Lục, điệu hợp với Trương Nghiêm. Ôi! Nghe bói lửa cháy, thương sóng trong chóng lắng, mới nên rửa chân theo đạo, tẩy tai từ Vinh. Cưỡi chuyển sung hự, bốn quạt bày mau. Nhưng sau đó, tìm bát chánh để thưởng vị Nhất Chân, mở mười triền, mà dứt bỏ ba hoạn. Đức hạnh ấy há không đến ư!

Bần Đạo, gương nhận biết khó trong, tâm trần dễ che lấp. Định thẹn với Hoa nước, giới chẳng có buộc ràng. Tài ngang triệt đuốc, học kém truyền đèn. Trong thẹn với Đức đầy đủ, ngoài không quen với

việc đời. Cho nên, đắm trệ nơi một gò, gá hình cũng bỗng liễu, ngồi trên ngàn mũi nhọn, gởi chí ngang như thông. So lường bốn mùa ở gió sương, đợi hai tuần cho ngắm bóng. Cho đến đêm nghe chim rừng bèn thay cho chín thành, ngày trông cá lội, liền tìm hai ông. Nhà cỏ Tất che vạt áo, đã ở vốn không bệnh. Cửa son kết xe bốn ngựa đối với ta cũng như mộng. Chỗ than vắn vít chuột xâm, vượn chuyển cây khó tĩnh lặng. Nhọc tưởng Thấu Đầu, mỗi nghĩ Kê Túc. Cho đến rừng động lá thu không hề tỏ rõ của Độc giác. Hang vang tiếng chim oanh mùa xuân, trọn cất ít nghe than. Bỗng nhiên đến hỏi, khúc hiện sáng vẻ vang. Khí u lan-nhã tiếng trong như ngọc, thật lại đầy mắt cùng cực mừng vui, mà thật vô ngực lấm thẹn, tuy thức rơi lạc ao trời, không phân biệt được thuyết của biển Bắc, mà sự đồng như giếng bùn, xấu hổ nghe lời bàn của Đông Hải. Mong cho người ấy như vậy, khéo ta Hoàng thạch chẳng xa. Kết mong sớm mai Bạch Câu có thể bó buộc, dùng trọn sáng nay khéo kính đạo sáng. Khi ấy, nhân lời mộc mạc chẳng rửa ý, báo ân đây làm sao tỏ bày!”

Bấy giờ, có người cho rằng “Quy là Đái Quy ở nước Tiều đời Tấn.” Nay xét so sánh hành sự chẳng phải vậy. trong Tấn Thư có nói: “Niên hiệu Thái Nguyên thứ mười hai (387) thời Đông Tấn, có Ấn sĩ Đái Quy, sau đó không lâu thì qua đời”. Đến niên hiệu Đại Thông thứ ba (529) thời Nam Lương, tức đã trải qua một trăm bốn mươi ba năm, Ngài (Tuệ Mạng) mới ra đời, tính ra chẳng thể gặp nhau. Lại chẳng phải Tế Bắc Minh.

Bấy giờ, lại có sa-môn Tuệ Hiểu, họ Phó, cũng là người lấy Pháp Thiên chứa nhóm Hiến Công. Văn tài của Sư có phần thua ngài Tuệ Mạng. Sư đi về hương Bắc, đi đến đất Tề dừng ở tại Linh Nham, suốt vài mươi năm u nhàn nhóm nghiệp. Chúng ban đầu không lấy làm lạ, đến làm Tiến Lệnh của núi, vì Sư xa cách làng lâu năm nên định hỏi về thân quen. Sư đến cửa huyện, sai người thông lệnh. Lệnh chính là đối với khách, chứ chưa cho phép đi tới, trong thời gian chần chừ, Sư lại thúc giục thông dẫn. Khách vẫn chưa tan, Tiến Lệnh lại càng kéo dài. Sư mới tỏ ngộ, bảo rằng: “Chẳng phải vì tiến thối của lệnh, mà chỉ là sự yêu ghét của tôi! Đâu phải đất làng có thể nhớ hoài ư?” Sư bảo xét việc, lấy giấy cầm bút mà ghi chép bài Phú Thích Tử. Giấy hết lời cùng. Sư bảo: “Nếu Tiến Lệnh có hỏi tìm, hãy đem văn này mà chỉ bày cho. Tôi đi đây!”. Từ đó, Sư ngâm ẩn. Trong bài phú, Sư viết rằng: “Than ôi! Thất niệm, bỗng nhiên trở lại giác ngộ”. Về sau, tìm đến Linh Nham, xét cùng chẳng thấy, đem bài phú ra chỉ bày cùng cho chư tăng, mới

biết tài năng của Sư, từ đó, mỗi người cất lấy một bản, dùng để dứt bỏ bỉ lậu. Sau, Sư tìm đến các Danh sơn, dưỡng thân gá tâm. Khi ấy lại xuôi mắt với người đời, Sư trở về ẩn hình nơi núi thẳm. Không biết về sau Sư tịch ở đâu.

## **2- Truyện ngài Thích Tuệ Tư trụ Hành Sơn thuộc Nam Nhạc:**

Thích Tuệ Tư, họ Lý, người ở Võ Tân. Thưở thiếu thời, Sư rộng rãi dung thứ, từ dưỡng nổi tiếng, khắp trong làng xóm đều ca tụng, vượt ngoài thường tình. Có lần Sư nằm mộng thấy vị Phạm tăng khuyên bảo nên xuất tục. Sư kinh ngộ điềm ấy, bèn giả từ thân thích mà nhập Đạo.

Nơi chùa Sư đến ở chẳng phải A-luyện-nhã, mấy lần chiêu cảm thấy Thần Tăng dạy răn thực hành trai giới. Sư vâng giữ sự trong trắng, phạm hạnh thanh bạch. Đến lúc thọ giới cụ túc, Đạo Chí Sư càng lớn mạnh, Sư trở lại gá nghỉ nơi sâu vắng, thường ngồi xét quát hạnh nghiệp, mỗi ngày chỉ ăn một bữa, chẳng nhận cúng dường riêng. Lui tới đón rước thầy đều dứt bật. Ngài tụng các Kinh như Pháp Hoa v.v... hơn ba mươi quyển, chỉ trong vài năm mà ngàn biến đã xong. Chỗ am tranh Sư ở bị người xứ quê thiêu đốt, người ấy liền cảm bệnh dịch lệ, chí thành cầu xin sám hối, Sư liền chấp thuận. Và khi Sư đã nhận am tranh thì trì kinh như cũ, người ấy không bao lâu bệnh cũng bình phục.

Sư lại mộng thấy mấy trăm vị Phạm Tăng, thân hình phục sức khác lạ, lên tòa bảo Sư rằng: “Trước kia, ông thọ giới luật nghi chẳng được tốt như vậy, làm sao có thể khai phát Chánh Đạo? Đã gặp được chúng thanh tịnh, nên lại lập đàn, thỉnh bốn mươi hai vị tăng, thêm pháp yết ma, cụ túc thành tựu.” Sau đó, bỗng nhiên tỉnh giấc, Sư mới biết là thọ giới trong mộng. Từ đó về sau, Sư chuyên cần càng sâu, khắc niệm siêng năng, không phế bỏ sớm tối. Ngồi tụng liên tục lấy làm nghiệp thường. Do khổ hạnh ấy, Sư thấy được việc hành Đạo trong ba đời. Sư lại mộng thấy Bồ-tát Di-lặc và Phật A-di-đà nói pháp khai ngộ cho Sư, nên Sư tu tạo hai tôn tượng Phật và đều cúng dường. Sư lại mộng thấy được theo Bồ-tát Di-lặc cùng các Quyển thuộc đồng dự hội Long Hoa. Trong Tâm Sư tự tư duy rằng: “Ta sống trong thời Mạt Pháp của Đức Phật Thích-ca Mâu-ni thọ trì Kinh Pháp Hoa, nay lại gặp được Đức Từ tôn cảm thương!” Sư buồn khóc và bỗng nhiên giác ngộ, càng tinh tấn hơn. Mọi điềm linh diệu lại luôn hiện hữu, nước trong bình thường đầy, cúng dường trang nghiêm sung mãn, dường như có Thiên Đồng hầu vệ. Nhân đó, Sư đọc tụng Kinh Diệu Thắng Định, khen ngợi công đức của

Pháp Thiên, tiện đó phát tâm tìm Bạt tu Định.

Bấy giờ, có Thiên sư Tuệ Văn nhóm họp đồ Chúng đến mấy trăm vị, như Pháp thanh tịnh trang nghiêm. Kẻ tăng người tục kính chuộng, Sư bèn tìm đến nương tựa, theo học Chánh Pháp. Tánh Sư ưa thích khổ hạnh tiết chế, lấy việc xây dựng chúng tăng làm chính, cúng dường suốt cả mùa đông mùa hạ, không sợ khổ nhọc. Đêm ngày Sư đều nhiếp tâm, tinh lưỡnng sự lý. Trải qua hai mùa như thế, chưa có sở chứng, lại đến đầu mùa hạ khác, Sư vững mình ngồi thẳng, buộc niệm ở trước, mới qua hai mươi một ngày, bèn phát chút ít tĩnh quán, thấy rõ nghiệp tướng Thiện ác của một đời trở lại. nhân đó, Sư kinh thán và càng mạnh mẽ gấp bội, bèn động tám xúc, phát gốc Sơ thiền. Từ đó, Thiền chướng chột dấy khởi. Tứ chi rã rời mỗi một, chẳng thể bước đi, thân không theo tâm. Sư liền tự quán sát “Bệnh của ta ngày nay đều từ nghiệp phát sinh, nghiệp lại do tâm khởi, vốn chẳng phải do cảnh bên ngoài. Lại thấy nguồn tâm, Nghiệp chẳng thật có. Thân như bóng mây, tướng có mà Thể Không.” Sư soi xét như thế rồi, ý tưởng điên đảo trừ diệt, tâm tánh thanh tịnh, mọi khổ tiêu trừ. Lại phát sinh Không Định, tâm cảnh rộng rang. Đến lúc mãn hạ thọ tuế, Sư lại bùi ngùi không thành đạt được gì, tự thương vì hôn trầm, sống chuỗi ngày luống qua, rất có tâm hổ thẹn. Sư buông thân dựa tường, lưng chưa chạm tường, bỗng liền khai ngộ, Pháp Hoa Tam-muội, Pháp môn Đại Thừa, nhất niệm Minh đạt. Mười sáu Pháp đặc thắng Bối xả từ nhập vào, bèn tự thấu suốt, chẳng từ người khác mà khai ngộ.

Sau đó, Sư đến các vị như Giám Tối, v.v... trình bày lại điều sở chứng của mình và đều được tùy hỷ. Ngài nghiên tằm đào luyện càng lâu, pháp Quán trước càng tăng. Tiếng tăm Đạo hạnh Sư vang xa, khắp bốn phương đều kính đức. Học chúng ngày một đông, có ngộ thật nhiều. Sư bèn đem các Pháp định tuệ trong giáo điển Đại Thừa, Tiểu Thừa để khai giảng dẫn dụ, để tự nhiếp mình và chỉ dạy cho người. Từ đó, mọi sự hỗn tạp Tinh tế thô bỉ đúng sai sinh khởi, oán hiềm cừ độc, đều không thể làm thương tổn. Các hàng Dị Đạo tạo lập, mưu kế cũng không thể làm hại. Sư bèn ngoái nhìn lại đồ chúng quyến thuộc và bảo rằng: “Khi Đức Đại Thánh còn trụ ở đời vẫn không khởi những lời vào ra không căn cứ, hướng gì tôi đây là kẻ Vô đức, đâu thể tránh khỏi sự oán trách ấy. Song, sự oán trách ấy đều do tạo tác ngày trước, thời đến thì phải chịu, đó là việc riêng. Nhưng Phật Pháp ta không bao lâu sẽ hoại diệt, chẳng biết phải đến phương nào để lánh nạn ấy?” Khi đó thâm lặng giữa hư không có tiếng bảo rằng: “Nếu muốn tu định, hãy đến Nam



nhạc ở Võ Đan, chính là núi Nhập Đạo!”.

Trong khoảng đầu niên hiệu Võ Bình (570) thời bắc Tề, Sư bỏ mặc chốn Tung Dương ấy, dẫn đồ chúng đi về hướng Nam, theo các bậc Tiên hiền để mong gá ẩn. Mới đầu, Sư đến Quang Châu, gặp phải Lương Hiếu Nguyên sụp đổ, nước loạn, đường trước tắt nghẽn, Sư bèn tạm dừng tại núi Đại Tô. Chỉ trong mấy năm mà mọi người quy hướng nương theo rất đông. Tại xứ đó là biên giới giữa nhà Trần và nhà Lê, do đó, binh đao thường luôn xung đột, Phật pháp băng hoại, chúng tăng ly tán. Trong đó, những bậc tài giỏi vượt trội đều xem thường sự sống, mến trọng Đạo pháp, như tối phải chết vẫn mừng vui sáng sớm được nghe giảng pháp, nên cùng nhau vượt bao hiểm nguy, tìm đến nhóm họp đông đầy cả rừng núi. Sư đem vốn liếng để cung cấp, dùng lý vị để dạy răn. Lại vì kẻ tăng người tục tu tạo phước thí, tạo Kinh Bát-nhã bản chữ vàng, gồm hai mươi bảy quyển, Kinh Pháp Hoa bằng chữ vàng, dùng vật báu lưu ly làm hộp tôn trí trang nghiêm ngời sáng. Công đức khác thường, khởi phát tâm chúng, lại thỉnh Sư giảng hai bộ kinh ấy. Sư liền bày giảng, tùy theo văn cho đến hết, không gì chẳng sâu mầu.

Sau đó, Sư bảo Học sĩ Sa-môn Trí Khải, người ở Giang Lăng thay ngài giảng kinh vàng, đến chỗ “Nhất Tâm đầy đủ muôn hạnh” Sư Trí Khải bỗng có điều nghi. Ngài (Tuệ Tư) bèn giải thích rằng: “Điều nghi vừa rồi của ông, đó là ý thứ lớp của Đại Phẩm, chưa phải là yếu chỉ viên đốn của Pháp Hoa. Trước kia, trong một mùa Hạ, tôi khổ tiết suy nghĩ điều đó, đêm sau một niệm chóng phát các pháp, tôi đã thân chứng, ông chớ nhọc sinh nghi”. Ngài Trí Khải liền thưa hỏi thọ học hành Pháp Pháp Hoa. Trong hai mươi một cảnh giới, khó ghi chép tường tận. Ngài Trí Khải lại hỏi: “Ngôi vị của thầy chính là Thập Địa?” Sư bảo: “Chẳng phải, tôi mới chỉ ngôi vị Thiết Luân của Thập Tín.” Bấy giờ, y cứ theo sự mà nghiệm, Sư giải hạnh cao sáng, căn thức thanh tịnh, đồng với Sơ y, biết được mật tạng. Lại như Nhân Vương phát Tâm Thập Thiện, già biệt hẳn Biển khổ, nhưng lại nhún nhường thối lui, nói khó thấy thật cho nên vết gốc rất rõ ràng.

Sau, tại núi Đại Tô xảy ra nhiều việc tệ hại nên thường đốt lửa canh phòng. Chúng bạn ở núi nương gá chẳng an ở đó. Sư bèn dẫn hơn bốn mươi vị tăng đi đến Nam Nhạc. Lúc đó nhằm ngày hai mươi hai tháng sáu niên hiệu Quang Đại thứ hai (568). Đến nơi, Sư bảo rằng: “Ta nương cây núi này trong mười năm, sau đó trở về sẽ đi xa”. Sư lại bảo: “Đời trước ta từng ở tại xứ này!” Đi đến Hành Dương gặp một trụ sở, rừng suối lắng sạch, người thấy đều ưa thích. Sư bảo: “Đây là một ngôi

chùa cổ, xưa kia ta đã từng ở.” Y theo lời Sư, đào bới ở đó, quả nhiên có được phòng điện nền móng mọi vật chúng tăng sử dụng. Lại xuống dưới hang núi sâu, Sư bảo: “Đây là nơi ta ngồi thiền, bị giặc đến chém đầu ta, do đó mà ta chết đi, vẫn còn toàn thân.” Mọi người đều cùng nhau tìm kiếm, làm được một đồng xương khô, lại tìm kỹ thì có được cái đầu lâu. Sư lấy đội lên đánh đầu, và xây tháp thờ để báo đáp ân xưa. Nên thường mọi việc Sư truyền nói, nghiệm xét đều khế hợp. Các việc đồng loại như thế chẳng phải một.

Từ đời Trần, những người có tâm học, không ai chẳng quy tông. Với các kinh luận Đại thừa, Sư đều khai bày giảng ngộ. Nên khiến sơn môn tụ hội, ngày một chứa nhóm Cao Danh. Khiến cho các hàng Di Đạo có tâm ganh ghét, thậm cùng với Trần chúa, vu cáo Sư là vị tăng đất bắc nhận sự chiêu mộ của nước Tề mà đào phá núi Nam Nhạc. Trần chúa sai sứ đến núi, bị hai con hổ tức giận gầm gừ, bèn sợ hãi mà rút lui. Vài ngày sau lại đến nữa, thì có con ong nhỏ bay đến đốt vào gò má Sư, sau đó có con ong lớn cắn giết con ong nhỏ, ngậm đầu bay ngang trước mặt Sư rồi bay đi. Trần chúa đều nghe biết việc đó mà chẳng để ý, không bao lâu trong bọn bày mưu hại có một người bị chết đột ngột và một người bị chó dại cắn chết. Tương ong hiện điềm dữ khi ấy mới linh nghiệm.

Trần chúa ban sắc cho thừa Linh ứng, mới thỉnh Sư xuống Thành Đô dừng ở chùa Thê Huyền. Sư đến chùa Ngõa quan giữa đường gặp mưa mà chẳng ướt, bùn sinh không dính giày. Sa-môn Tăng Chánh là Tuệ Hạo cùng học chúng đồng gặp Sư giữa đường, bèn bảo: “Vị Thần này khác người, làm sao được như thế?” Cả triều đình đều ghé mắt nhìn, kẻ tăng người tục thấy kính ngưỡng. Đại Đô Đốc Ngô Minh Triệt rất kính trọng Sư, dâng gối nằm bằng sừng tê giác, cùng Hiếu Oai ở Hạ Hầu đến chùa lễ thăm Sư. Đang trên đường đi, suy nghĩ rằng: “Ngô Nghi Đồng dâng gối, làm cách nào để thấy được?” Đến lúc tới chỗ Sư, cùng đi rất mực cung kính. Ngô Minh Triệt bảo: “Muốn thấy được gối bằng Tê giác thì hãy đến xem”. Lại một hôm, bỗng nhiên có tiếng bảo rằng: “Hãy lo quét tước sân nhà, có bậc Thánh sắp đến”. Liền như lời nói, chỉ phút chốc Sư đến. Hiếu Oai có tâm kính ngưỡng đối với Sư, nói với kẻ tăng người tục. Nên những người sinh hèn, tăng tục không dám kéo mời ở lại. một số người cung cấp, tiễn biệt đến bờ sông. Sư bảo: “Ta nương tựa ở Nam Nhạc chỉ mười năm, đủ mười năm ta sẽ dời đi”. Mọi người không hiểu ý chỉ ấy. Khi về lại phòng nhà tại núi, mỗi năm, Trần Chúa ba lần đưa gởi thư thăm hỏi, cung cấp cúng dường đầy đủ

cho chúng tăng. Vinh hiển hưng thịnh chẳng ở đâu bằng. Sư giảng pháp gặp bội bình thường, Thần dị khó lường biết. Hoặc hiện thân lớn nhỏ, hoặc vắng lặng ẩn thân. Hoặc có mùi thơm lạ, sắc màu đặc biệt, các điềm lành xen lẫn hiện bày.

Đến lúc sắp tịch, từ trên đỉnh đến lưng chừng núi, Sư thiết lập đạo tràng, nhóm họp học chúng trong nhiều ngày giảng pháp. Sư tha thiết quả trách, người nghe sợ hãi. Sư bảo trong chúng rằng: “Nếu có mười người chẳng tiếc thân mạng, thường tu theo Pháp Hoa, Ban-chu niệm Phật Tam-muội, Phương đẳng sám hối, khổ hạnh tĩnh tọa. Với mọi sự cần thiết, tôi tự cung cấp sẽ cùng được lợi ích. Nếu không có người như thế, tôi sẽ đi xa.” Khổ hạnh là việc khó nên hoàn toàn không có người đáp lại. Nhân đó Sư rời chúng, yên tĩnh xét niệm, bỗng nhiên Sư thị tịch. Có Sa-môn trẻ tuổi tên là Linh Biện thấy Sư hơi thở đã dứt bèn than gào, khóc lóc. Sư liền mở mắt bảo rằng: “Ông là Ác Ma, ta sắp đi, các Thánh cùng đến đón rước rất đông, luận về chỗ thọ sinh, sao có ý kinh động làm chướng loạn ta ư? Ông là kẻ ngu si, hãy đi ra”. Nhân đó, Sư lại nhiếp tâm ngồi yên đến cùng. Mọi người đều nghe có mùi thơm lạ xông ngát trong phòng. Đảnh đầu Sư nóng ấm, thân thể mềm mại, màu da vẫn như thường. Lúc đó nhằm ngày hai mươi hai tháng sáu niên hiệu Thái Kiến thứ chín (577) đời Trần. Xét nghiệm mười năm, rõ ràng phù hợp. Sư thọ sáu mươi bốn tuổi.

Từ Giang Đông, Phật Pháp mở mang lại nghĩa môn, còn đối với Pháp Thiên thì không được như thế. Nên Sư bùi ngùi nam phục, Định Tuệ cả hai đều mở. Ngày thì bàn luận về nghĩa lý, đêm đến thì tư duy quyết trạch. Cho nên Sư có nói ra điều gì đều đến chỗ tận cùng. Tiện đó, nghiệm xét nhân định phát tuệ, ý chỉ ấy chẳng lường đối. Thiên Tông cả Nam bắc ít có trường hợp không kế thừa tiếp nối, nhưng thân tướng Sư cao trội đặc biệt, tự giữ gìn tốt đẹp, chẳng nương cậy, chẳng thiên lệch, như trâu đi voi nhìn. Đảnh đầu Sư có tướng nhục kế khác lạ trang nghiêm. Người trông thấy thì hồi tâm, bất chợt kính phục. Sư lại khéo biết tâm người, xét soi thâm phục. Với người nói năng chậm chạp thì Sư dùng phương tiện dẫn dắt, thực hành hạnh Đại từ bi, vâng giữ giới Bồ-tát. Còn như lụa là lông da, phần nhiều đều do tổn hại chúng sinh, nên Sư không hề sử dụng, thường mặc vải bố. Mùa Đông giá lạnh thì cắt thêm cổ chằm vá áo nạp để mặc ngăn lạnh.

Từ khi Phật pháp truyền bá đến phương Đông, trải qua thời gian đã sáu trăm năm, chỉ hạnh từ ở Nam Nhạc ấy là chỗ đáng quy y. Tôi (Đạo Tuyên) từng tham dự công việc truyền dịch, thường thấy trong

kinh Phạm thừa hỏi đầy đủ về Pháp y, nên đến nay đều không may mặc tơ tằm. Dù có thêm pháp thọ, cũng không chỉ bày được thành. Nên biết hoặc xin hoặc được ai cho tơ tằm gấm lụa làm y áo, y cứ theo luật kết khoa tạm xả Định. Y cứ theo tình mà tham cây, làm sao do đâu mà buông lung, điều mà riêng Sư dứt hẳn là vâng theo khuôn phép của bậc Thánh. Các tác phẩm của Sư là miệng truyền trao thành chương không cắt bớt hay sửa đổi. Sư soạn Tứ Thập Nhị Tự Môn hai quyển, Vô Trách Hạnh Môn hai quyển, Thích Luận Huyền một quyển, Tuỳ Tự Ý một quyển, An Lạc Hạnh một quyển, Thứ Đệ Thiên Yếu một quyển, Tam Trí Quán Môn một quyển, đều được truyền bá ở đời.

### ***3- Truyện ngài Thích Trí Khải trụ chùa Quốc Thanh ở núi Thiên Thai đời Tùy:***

Thích Trí Khải, tự Đức An, họ Trần, người ở Dĩnh Xuyên. Có Tấn Thiên Đô ở Hoa Dung thuộc Kinh châu, là con thứ hai của quan Tấn Kỳ đời Lương là Mạnh Dương Công Khởi. Mẹ Sư họ Từ, nằm mộng thấy khói hương năm mầu cuộn vào lòng, muốn phỉ đi, nghe có người nói rằng: Nhân duyên đời trước nương gá vương đạo, phước đức tự đến, sao lại phỉ đi? Bà lại nằm mộng thấy nuốt con chuột trắng, thấy như thế đến hai, ba lần, bà lấy làm lạ bèn đi xem bói, thầy bói nói: Đó là điềm lành rồng trắng.

Đêm sinh ra Sư, trong nhà sáng rực, ánh sáng giữa các ngôi sao tắt mất, trong ngoài vui vẻ. Bỗng có hai vị tăng gõ cửa nói: Lành thay! Đức tốt của đứa bé rất sâu nặng, chắc chắn sẽ xuất gia. Nói xong hai vị liền biến mất. Khách đến nhà lấy làm lạ, các nhà hàng xóm nhớ lại điềm lành trước, gọi là Vương đạo, kiêm dùng tượng sau lại gọi là Quan đạo, cho nên còn nhỏ Sư đã được đặt hai tên, gọi dùng lẫn lộn. Mất Sư có con người hai lớp, cha mẹ che giấu nhưng mọi người đã biết. Khi nằm thì Sư chấp tay, khi ngồi thì xoay mặt về hướng Tây. Từ khi lớn lên về sau, không phải bất cứ thứ gì Sư cũng ăn, thấy tượng liền lễ bái, gặp tăng thì cung kính. Năm bảy tuổi đã thích đến chùa, chư tăng lấy làm lạ về tình chí của Sư, bèn truyền miệng cho phẩm Phổ Môn, mới nghe qua một lần Sư đã thuộc, cha mẹ dứt khoát không cho Sư tụng nữa, trong lòng Sư rất buồn. Bỗng nhiên Sư thuộc cả các câu văn còn lại, há chẳng phải là xưa có gieo trồng cội gốc công đức hay sao? Sư tìm kiếm danh sư, mong nương nhờ để ra khỏi ba cõi.

Năm mười tám tuổi, Sư xuất gia với Sa-môn Pháp Tự chùa Quả Nguyễn ở Tương Châu. Ngài Pháp Tự truyền cho mười giới, hướng dẫn

về luật nghi. Sư đi về phía Bắc đến chỗ Luật sư Tuệ Khoáng, mong được dạy bảo. Nhân đó, Sư tiêm tu ở núi Đại Hiền, tụng Kinh Pháp Hoa và Vô Lượng Nghĩa, Phổ Hiền Quán. Chưa đầy hai tuần mà đã thuộc xong ba bộ. Lại đến chỗ Thiên sư Tuệ Tư ở núi Đại Tô thuộc Quang châu để thọ nghiệp tâm quán. Ngài Tuệ Tư lại theo đạo ở Thiên sư Tự, Thiên sư Tự lại thọ pháp với Thiên sư Tối, ba vị này đều không lường được giai vị của Sư. Ngài Tuệ Tư thường khen rằng: Thuở xưa ở Linh Sơn cùng nghe Pháp Hoa, duyên trước đưa đầy, nay lại gặp nhau. Liền chỉ bày đạo tràng Phổ Hiền, giảng bốn hạnh an lạc. Sư ở núi này bèn thực hành Tam-muội Pháp Hoa, bắt đầu trải qua ba đêm, tụng đến phẩm Dược Vương, tâm duyên theo khổ hạnh, đến câu “Đó là chân tinh tấn” liền phát sinh giải ngộ, thấy cùng ở một chỗ với Thiên sư Tuệ Tư, núi Linh Sơn là tịnh độ bằng bảy báu, nghe Phật nói pháp, cho nên ngài Tuệ Tư nói: Chẳng phải thế thì không cảm, chẳng phải ta thì không ai biết. Đây là tiền phương tiện của Tam-muội Pháp Hoa. Sư lại đến núi Bạch Sa ở Hy châu, nhập quán như trước, đối với kinh có điều nghi, thì liền thấy ngài Tuệ Tư đến âm thầm chỉ bày giải thích. Từ đó về sau, Sư thường thay thế ngài Tuệ Tư để giảng pháp. Người nghe đều kính phục. Nhưng đối với ba Tam-muội và ba Quán Trí, Sư còn phải thưa hỏi, ngoài ra đều tự mở giải, chẳng từng để ý. Ngài Tuệ Tư đích thân cầm râu chuỗi Như Ý ngồi nơi Pháp tòa để xem nghe, và bảo với học chúng rằng: “Đây là con nuôi của tôi, chỉ buồn là Định lực còn thiếu!”. Từ đó, Thầy trò đổi cách nhìn, tiếng tăm vang khắp xa gần. Đến lúc sở học đã thành, Sư đến từ già. Ngài Tuệ Tư bảo rằng: “Ông có duyên ở nước Trần, đến đó sẽ được lợi ích!” Khi ngài Tuệ Tư đã đến Nam Nhạc thì Sư bèn đến Kim Lăng, cùng hơn ba mươi vị như Sa-môn Pháp Hỷ, v.v... trụ chùa Ngọa Quan, khai mở truyền Thiên Pháp.

Bộc xạ Từ Lăng Thượng Thư Mao Hy v.v... là người thông minh, được người đương thời quý trọng, học gồm cả Thích giáo, Nho giáo, lại đến bầm thọ thiên Tuệ, đều truyền hương Pháp, mừng vui cung kính, là chỗ vẻ vang kính ngưỡng ở đương thời. Đại đức Trí Biện chùa Trường Can thỉnh Sư vào Tông Hy. Sa Môn Tăng Hoãng chùa Thiên cung thỉnh Sư vào Phật quật. Đó đều do đạo hoằng hành cảm nên Sư được các bậc tài giỏi ở đương thời đón rước Sư. Sư tùy cơ duyên giáo hóa, liền được khai ngộ. Nên các ngài như Cảnh Thiệu ở Bạch Mã, Trí Văn ở Phụng Thành, Tuệ Mạng ở Thiên chúng, cho đến những vị Túc đức như Pháp sư Đại nhân đời Lương, v.v... là những bậc một đời cao lưu, tiếng tăm vang vọng khắp giang biển, đều bỏ các pháp mình giảng trước kia mà

muốn mở mang thiền môn, dẫn theo học chúng đến thừa hỏi bến bờ để, được cứu giúp.

Bấy giờ, tại Võ Huyệt có Sa-môn Tuệ Vinh ở chùa Trang Nghiêm đạo trùm khắp Ngô Châu, Cối kê, người đời xưng gọi là Nghĩa hổ, biện hiệu Huyền lưu. Nghe Sư giảng pháp, nên đến thừa hỏi. Qua vài lần nêu cử hạch xét, không gì chẳng sâu ẩn, bèn khinh đối tự kiêu căng, nhường mảy, vung quạt, quạt bèn rơi xuống đất, ngài ứng đối, sự lý vỡ lẽ, trong sạch hiển bày. Và Sư chê trách Ngài Tuệ Vinh rằng: “Năng lực của thiền định không thể cật nạn.” Khi ấy có Sa-môn Pháp Tạng vỗ vai ngài Tuệ Vinh bảo rằng: “Từ trước đến nay, ông là Nghĩa Long mà giờ lại phục nai. Quạt đã rơi xuống đất, vậy lấy gì để ngăn che xấu hổ?” Ngài Tuệ Vinh bảo rằng: “Xem thường Địch thất thế, chưa thể coi khinh.”

Sư trải qua tám châu, giảng luận Đại Trí Độ, trang nghiêm mọi người đến học, kể đến, Sư giảng về thiền môn để lắng trong biển tâm. Trong những lúc nói nín, Sư thường nghĩ nhớ đến rừng đầm, Sư nằm mộng thấy trên đỉnh núi cao với muôn trùng, mặt trời mây phủ, bên cạnh đó, biển xanh không bờ, sâu thẳm lắng trong ở dưới đó. Lại thấy một vị tăng vẫy tay bày vai đến bên sườn núi dẫn Sư lên núi v.v... Sư đem những điều thấy trong mộng, hỏi khắp Môn nhân. Mọi người đều trả lời: “Đó là núi Thiên Thai ở Cối kê, là nơi nương gá của các vị Thánh hiền. Xưa kia, các Sa-môn Tăng Quang, Đạo Du, Pháp Lan, Đàm Mật. Và những bậc anh đạt ở đời Tấn, đời Tống, không ai chẳng nương nấu tại ở đó!”. Nhân đó, Sư bèn cùng với hơn hai mươi vị như Sa-môn Tuệ Biện v.v... đi theo đường hướng Nam đến ẩn cư tại núi đó.

Trước kia, có Sa-môn Định Quang ở Thanh Châu. Từ lâu đến ở núi đó đã bốn mươi năm. Ngài tu cả Định tuệ, bao trùm cả Thần nhân. Hai năm trước khi Sư đến núi đó, ngài Định Quang dự báo với dân chúng ở núi rằng: “Có vị Đại Thiệu Tri thức sẽ đến đây, nên trồng đậu làm tương, bện cỏ bồ làm chiếu, xây dựng thêm phòng nhà để tiếp đãi.” Gặp lúc Trần thử Hưng Vương ra trấn tại Động Đình, các công khanh tiễn đưa, xoay xe trở lại chùa Ngõa quan đàm luận với Sư, pháp sâu mầu đã xướng, các vị đều khuynh tâm, xả tan núi chứa, kính thành bái thỉnh ân trọng. Nhân đó, Sư than rằng: “Hôm qua Ta mộng thấy quân cướp mạnh dữ, nay mới bày các thứ giặc mềm yếu, lông dây cốt xương, thì nhớ kéo đuôi trong bùn sinh.” Bèn sai người cảm ơn các môn nhân rằng: “Ta nghe trong tối có tiếng tên bắn thì nên ở Đàn. Vì sao biết như thế? Bởi vì, Vô minh tức là tối. Mũi lưỡi là cung, tâm lo lắng như Đàn, âm thanh như mũi tên. Đêm dài rộng phát không nhận biết được. Lại

nữa, pháp môn như gương sáng, vuông tròn tùy vật tượng. Mới đầu, tại chùa Ngõa quan có được bốn mươi người ngồi. Một nửa thì vào pháp môn, nay thì có hai trăm người ngồi thiền. Trong đó, mười người đắc pháp. Từ nay về sau, quy Tông càng gấp bội, mà không mấy người y cứ theo Pháp. Đó là vì sao cũng có thể biết! Ta tự hành hóa, dẫn dắt, mỗi vị tùy chỗ an định, đang theo chí của Ta!” Và Sư liền đến núi Thiên Thai. Khi đã đến núi ấy, thì gặp Ngài Định Quang. Sư liền bày tỏ điều cần yếu. Ngài Định Quang bảo: “Đại Thiện tri thức! Có nhớ năm trước tôi đứng trên đỉnh núi vẫy tay gọi Ngài chăng?” Sư bèn kinh dị, biết là trong mộng có đến ở đây. Lúc đó nhằm tháng chín niên hiệu Thái Kiến thứ bảy (575) đời Trần.

Lại nghe có tiếng chuông vang khắp hang, đại chúng đều lấy làm lạ. Ngài Định Quang bảo: “Chuông là vời nhóm những người có duyên, Ngài được ở đây!”. Sư bèn tìm ở chỗ tốt, tức phía Bắc của chỗ ngài Định Quang ở, thuộc phía Nam núi Phật Lũng, là chỗ nguồn của Loa Khê. Đã nhàn thoáng, lại dễ tìm được chân, đất bằng suối trong. Sư bồi hồi dừng nghỉ qua đêm, không bao lâu thấy có ba người đầu chít khăn đen, mặc áo ráng tía, tay cầm sớ đến thỉnh cầu rằng: “Ngài hãy ở nơi này hành Đạo!”. Từ đó, Sư dựng lập am tranh, trồng cây quả thông, chỉ trong vài năm tạo bày lần lượt theo nhau, lại thành thông hội. Ngài Định Quang bảo rằng: “Hãy nên tùy nghi an ở, đến thời Quốc thanh, ba phương gồm một, sẽ có Quý nhân vì Thiền sư mà xây dựng chùa, phòng nhà đầy khắp núi!” Bấy giờ, mọi người chẳng lường biết lời nói ấy.

Sau, Sư đến phía Bắc của chùa trên ngọn núi Hoa Đảnh, riêng ở tĩnh lặng, thực hành hạnh Đầu-đà, gió lớn nhỏ tróc cây, sấm sét rung chuyển vang rền, quỷ quái cả ngàn đàn, một hình biến trăm trạng thái, thét tiếng gào rống lớn, kinh hãi khó tả bày. Sư bèn nén tâm an nhẫn, vắng lặng, tự nhiên chúng tan mất. Sư lại mắc phải chứng thân tâm đau nhức như bị lửa đốt. Lại thấy cha mẹ của mình đã qua đời gởi mình trên đầu gối Sư, tỏ bày khổ đau ai cầu thống thiết, Sư lại nương tựa pháp nhẫn, không lay động như núi. Nên khiến cho hai duyên cứng mềm chiêu cảm đều dứt mất. Bỗng có vị Thần tăng Tây Vực bảo Sư rằng: “Chế ngự kẻ địch, thắng được ma oán, mới đáng là người hùng dũng!...” Văn nhiều nên ở đây chẳng ghi chép hết.

Vua Tuyên Đế (Trần Húc 569-583) đời Trần ban sắc rằng: “Thiền Sư là bậc tài giỏi trong Phật Pháp, là chỗ kính trọng của các vị Tông tượng đương thời, dạy răn cả Đạo tục, là nơi cao quý của nước nhà. Nên cất huyện Thi Phong để sung làm chi phí cho chúng tăng, quyền

hai hộ dân để cung cấp củi nước”. Núi Thiên Thai ở tại huyện An Lạc. Lệnh Trần Quận Viên tử Hùng là người kính tin chánh pháp, mỗi mùa Hạ, thường giảng kinh Tịnh Danh, bỗng thấy ba đường thêm báu từ giữa hư không trải xuống, có mấy mươi vị Phạm tăng nương thêm cấp đi xuống, vào trong phòng nhà lễ bái, tay cầm lò hương đi nhiễu quanh Sư ba vòng, giây lâu mới biến mất. Viên tử Hùng và đại chúng đồng lấy làm lạ, ngợi khen ồn náo vang cả núi. Hạnh của Sư thấu đạt Linh cảm đại loại như vậy! Có Vương Bá Trí ở Vĩnh Dương ra trấn phủ ở Ngô Hưng, cùng quyến thuộc đến núi cầu xin Sư dạy răn, lại thiết lập đàn tràng sám pháp Phương Đẳng bảy đêm. Vương Bá Trí ban ngày thì sửa trị, đêm đến thì tu Quán. Sư bảo với môn nhân Trí Việt rằng: “Ta muốn khuyên Vương Bá Trí càng tu phước sâu để cầu trừ họa, có được chăng?” Trí Việt đáp rằng: “Phủ Liêu bao lâu chắc chắn sẽ nóng lạnh”. Sư bảo: “Dứt sự ganh ghét ở đời, cũng là làm lành”. bỗng nhiên Vương Bá Trí nhân đi săn bị rơi từ trên ngựa xuống sắp chết. Khi đó mới hiểu được ý Sư, bèn tự thân dẫn chúng hành trì sám pháp Quán Âm. Sau đó không lâu, Vương Bá Trí cảm giác thấy có tỉnh ngộ đôi chút, bèn ngồi tựa ghế, thấy một vị Phạm tăng tay bưng lò hương đi thẳng đến trước mặt mà hỏi về sự khổ. Vương Bá Trí đờ mồm hôi không đối đáp được gì. Vị Phạm tăng bèn đi nhiễu quanh Vương Bá Trí một vòng, tự nhiên khổ đau dứt bặt. Vương Bá Trí bèn tự thân soạn Văn Nguyện rằng: “Kính ngưỡng Thiên Thai Xà-lê, đức ngang bằng như ngài Đạo An, Tuệ Viễn, Đạo An Xa sánh với ngài Quang, Du. Xa gần mọi người đều khuynh tâm, chấn tích như mây nhóm, tiếp nối đầu mối rơi lạc của thời tượng Pháp, để cứu giúp kẻ hôn ám mê mờ. Hiện bày ánh sáng của mặt trời trí tuệ, để cứu vớt người tục. Lại bước trên sóng pháp môn, suốt thông vườn thiền. Kết của Hữu Vi đã lìa, Vô sinh nhần đang hiện tiền! Đệ tử trôi nổi theo gió nghiệp, chìm đắm trong sông ái, tuy tận hưởng Pháp hỷ, mà chẳng dứt trừ tâm mờ tối ngăn che. Luống kính ngưỡng thuyền duyệt, lúc nào cũng có tâm lo lắng tán động. Nhật luân rong ruổi, dây cương Nghĩa Hòa chẳng dừng. Gương trăng xoay chuyển nhanh chóng, bóng dáng Hằng nga khó trụ. Có hợp có tan, than thở lời nào. Mến kính Phật Pháp, nước chảy không thôi! Nguyện cầu Đời đời kiếp kiếp, thường gặp được Thiên Thai Xà-lê, luôn tu cúng dường như Trí Tích kính thờ Trí Thắng Như Lai, tợ Dực Vương hầu dâng Lô Âm Chánh giác. An Dưỡng, Đâu-suất đều tởa pháp Nhất thừa v.v... Sư rất được các hàng Thiên Vương kính tin đại loại như thế. Từ đó, sự giáo hóa đời khắp bờ biển, Pháp chính đến âu man, mọi người nêu bày điều nghi, thỉnh



câu hỏi Đạo, ngày một lên đông đầy núi.

Vua nhà Trần muốn yết kiến đánh lễ bèn xoay lại hỏi các quan rằng: “Trong Phật giáo, ai là bậc Danh Thắng?” Khi ấy, Trần Huyền tấu rằng: “Thiền sư ở chùa Ngõa Quan là bậc đức tỏa xa như gió sương, gương thiền sâu thẳm tựa biển, xưa kia ở tại kinh ấp. Các Hiền giả tôn kính, nay cao bước ở núi Thiên Thai, mây pháp bủa khắp trời Đông. Xin Bệ hạ ban chiếu thỉnh Sư về lại Kinh đô, giúp cho các hàng tăng tục đều được nhờ!” Nhân đó, Vua liền ban thư ấn, dẫm đạp muôn trùng mà đến. Sư chỉ lấy việc trọng Pháp làm chính, chẳng khinh rẻ tự thân, bèn từ chối việc ấy. Sau, vì Vĩnh Dương khổ cầu can ngăn. Nhân lại ban sắc, trước sau có tới bảy lần đều chính tay Vua viết sớ. Sư bèn dùng Đạo thông tình. Vua lấy pháp làm chỗ nương cậy, nên bèn đến Thành đô. Vua đón rước Sư vào Đông đường của điện Thái Cực, mời Sư giảng Luận Đại Trí Độ, có ban chiếu xe Dê Đồng tử bày dẫn ở trước. Chủ Thư xá nhân giúp theo Sư lên thêm cấp, lễ pháp đều như việc xưa của Quốc Sư Quán Xà-lê. Trần chúa đích thân đến pháp diên, trăm quan liêu thứ đều cung kính, mong được nghe pháp chưa từng nghe. Vua kính Pháp, vâng Đạo, nhân đó, liền ban sắc lập thiền chúng ở chùa Linh Diệu. Học chúng lại nhóm kết, vẻ vang đông đúc. Vua có ban sắc mời Sư đến điện Thái Cực giảng Kinh Nhân Vương, tự thân vua cùng đến. Các Sa-môn như Tăng Chánh Tuệ Hằng, Tăng Đô Tuệ khoáng là những bậc Đại đức ở Thành đô đều lập ra vấn nạn. Sư tiếp hỏi đối đáp, khai mở pháp môn lớn mạnh. Ngài Tuệ Hằng bưng lò hương mà chúc tụng rằng: “Nước nhà còn hơn mười trai, tự thân đang là bốn giảng. Phân tích văn nghĩa, là được chỗ trở về. Ngày nay xuất ra tinh sao, thấu thấy sự hiểu biết hẹp lậu!” Ngài rất được trọng vọng, không gì hơn. Nhưng các Pháp Hội ở Giang Biếu từ trước đến nay đua tranh chẳng đủ, đến lúc ngự pháp của Sư liền ngồi, trang nghiêm có thừa, bèn làm cho ngàn cành đầy hoa định, bảy đêm yên sáng. Nêu việc mà nghiệm tâm thì đó là nhờ năng lực của Sư.

Về già, Sư đến trụ chùa Quang Diệu, thiền tuệ đều mở mang, loạn động xua tan, khuynh ý trong sạch. Trần chúa ở điện Thái cực ban sắc cảm tạ rằng: “Nay đem Phật Pháp kính giao, cũng mong chỉ bày cho các điều chẳng biết.” Đến lúc xem xét toàn bộ tăng ni, những vị không thông suốt có đến ngàn muôn. Cả triều đình bàn luận rằng: “Những người hạch xét kinh thi rốt đều phải hoàn tục”. Sư dâng biểu can ngăn rằng: “Điều Đạt tụng sáu muôn tượng kinh, cũng không khỏi địa ngục. Bàn-đặc đọc một hàng kệ thành tựu quả A-la-hán, dốc luận về đạo, đâu

liên quan đến tụng nhiều”. Trần Chúa rất vui mừng, liền bãi bỏ việc tìm chọn. Vì vậy, muôn người được xuất gia đều do một lời can ngăn của Sư.

Sau cùng, vì chùa Linh Diệu nhỏ hẹp, Sư lại cầu sự nhân tĩn, năm mộng thấy một người, có những người theo hầu rất trang nghiêm, đến tự xưng tên, nói rằng: “Tôi là Quán Đạt, xin thỉnh Sư đến trụ ở Tam Kiêu!” Sư bảo: “Quán Đạt là pháp danh của Vua Võ Đế (Tiêu Diễn) thời Nam Lương. Còn Tam Kiêu há chẳng là chùa Quang Trạch ư?” Sư bèn dời đến trụ ở đó. Tháng tư năm đó, Trần chúa đến chùa, tu hạnh Đại Thí. Ngài lại giảng Kinh Nhân Vương. Trần chúa ở giữa chúng đứng dậy lễ bái ân cần. Từ Trữ Hậu trở xuống đều tôn kính giới Phạm. Nên thọ pháp ấy có lời văn thỉnh rằng: “Kính mong hóa đạo vô phương, tùy cơ duyên cứu giúp mọi vật, gìn giữ nước nhà, dẫn dắt trời, người. Soi đuốc sáng ngời, gá vết thầy bạn. Tỳ-kheo vào mộng thấy phù hợp. Hình tượng lâu hiển bày, Hoà-thượng ứng hiện, đức cao tòa tỏ rõ. Cho nên, Kiêu tâm mười Địa, khát ngưỡng bốn pháp nương tựa. Đại thừa, Tiểu thừa, trong ngoài hai giáo. Tôn sư trọng đạo từ trước đến nay còn vậy. Cúi mong dũ lòng dắt dẫn, gọi là đời đời kết duyên, đạt được bốn nguyện, ngày một thêm lớn. Nay xin kính thỉnh Sư làm giới sư Bồ-tát!” Sư liền trao truyền hương vào tay, vua khóc mắt rơi lệ. Đó cũng là do đức hạnh của Sư cảm động đến nhân chúa đến cầu mong theo Sư.

Đến lúc ở Kim Lăng bị suy bại sụp đổ, Sư bèn mang tích trượng từ Kinh Tương đi theo đường đến Ích Thành. Năm mộng thấy một vị Lão tăng bảo rằng: “Điềm lành Đào Khản kính mong hộ trì!” Khi đó, Sư đến dừng nghỉ tại Khuông Sơn. Xa trông thấy bức vẽ, nghiệm xét về điềm linh, quả nhiên phù hợp như trong mộng. Sau đó không bao lâu, Tầm Dương lại làm phản, chùa viện đều bị thiêu đốt, chỉ có núi ấy được an toàn, không hề bị xâm tổn gì. Tin do năng lực che chở của điềm lành, chưa vệt tan vết tích núi mây, cuối cùng cũng đến tận đó.

Gặp Đại Nghiệp ở đất Phiên, làm Tổng Hoài Hải, tiếp thừa Đạo phong, mang đội đức hạnh, khâm trọng chú ý, muốn vâng theo một giới Pháp, nên kính Sư làm thầy sư, bèn gửi thư đến nhiều lần thỉnh. Ban đầu, Sư trình bày mình là người ít đức, kể đến kính nhường các bậc Danh tăng, và sau cùng là nêu các Đồng học. Ba điều từ chối nhưng chẳng khỏi, cầu xin cầu bốn điều nguyện. Trong văn từ ấy viết rằng:

1/ Tuy ưa thích học thiền mà hạnh chẳng xứng Pháp, tuổi tác đã xế về Tây, giữ gìn giường dây, chỉ võ ngực theo lòng, giả danh mà thôi, sứt sùi tại ấy, tiếng xấu quá thật. Xin chớ vì Thiền pháp mà khởi mong

câu.

2/ Sinh sống ở biên địa, từng gặp phải loạn ly, thân vẫn khoan thai, miệng vụng về ấm lạnh. Phương ngoại hư huyền, lâu chẳng phải phần ấy tại vức nội rã theo, không một thứ gì đáng lấy, tuy muốn tự thận trọng, nhưng lại trái ngược người, xin chớ trách khuôn phép đó.

3/ Nêu bày muốn truyền đăng để báo đáp Pháp ân. Nếu thân đáng làm giới phạm, nên nặng đi đến. Đi đến nếu nặng, thì truyền đăng bị khuyết. Đi đến nếu nhẹ thì lại ganh ghét chê bai. Lánh ganh ghét để an thân, nếu chưa thông Pháp mà bảo, xin hứa vì Pháp ấy, chớ ganh ghét nhẹ nặng.

4/ Hơn bốn mươi năm giữa khoảng nước và đá, nhân đó thành tánh. Nay Vương đồ đã một, Phật pháp lại hưng thịnh. Khuôn phép rộng lớn, tấm gột ân hóa ấy, trong hết sức mình, kính ngưỡng báo đáp ngoại hộ. Nếu gò núi hang hóc niệm khởi, xin tùy tâm uống ăn để hết những năm thừa. Nếu cho phép bốn tâm nguyện ấy, mới đến chỗ ưu chỉ!”

Tấn Vương bèn mong cầu tịnh giới, như điều nguyện của Sư thì chỉ dạ vâng, cho nên tự thân soạn văn thỉnh giới, viết rằng: “Nền tảng Đệ tử vâng thừa chứa nhóm điều lành, sinh sống tại Hoàng gia. Trường dạy răn sớm đến. Thai giáo xưa trước thấm dần. Phước báo chợt đến. Diệu cơ sẽ tỏ ngộ, hổ thẹn cao vời nơi đường nhỏ, mong cầu ưu du ở Đại thừa, cười vui nghỉ ngơi chỉ ở Hóa thành, nguyện thuyền bè sẽ đến bờ kia. Muôn hạnh của khai sĩ lấy thiện giới làm Đầu. Mười điều lành của Bồ-tát dùng chuyên trì làm tối thượng. Thí như làm nhà thì trước tiên phải làm nền móng, nhọc treo giữa hư không, chẳng bao giờ thành tựu. Khổng giáo, Lão giáo và Thích giáo đều phải là khuôn đúc, nếu chẳng có khuôn thước phép tắc thì đâu được an ngưỡng. Thật lại kính thỉnh Năng nhân (Đức Phật Thích-ca) làm Hòa thượng, Bồ-tát Văn-thù thăm làm A-xà-lê, mà hẳn nhờ thầy cõi người truyền thọ. Thánh trao, từ gần đến xa, cảm mà bèn thông. Ba Luân hết tủy ở Vô Kiệt, Thiện Tài bỏ thân nơi Pháp giới. Kinh có Văn rõ ràng, chẳng nhọc tự bày nói. Tin sâu lời Phật dạy, nguyện vâng hành trì theo sự dẫn dắt. Thiền sư là bậc Long tượng trong Phật Pháp. Giới châu tròn sạch, nước định lắng trong. Nhân tịnh lắng phát tuệ, an định vô ngại biện. Trước chúng sinh, sau là mình, nhún nhường đã thành phong thái. Tiếng tăm vang xa, mọi người đều biết. Đệ tử do đó, kiên thành xa chú ý, mạng cơ xa đón rước, thường lo duyên sai, gặp các lưu nạn. Thầy cũng đã đến, chỉ đường tâm rõ ràng. Và vạch bày mây móc, liền tiêu phiền não. Nay là ngày hai

mười ba tháng mười một niên hiệu Khai Hoàng thứ mười một (591) đời Tùy, tại thành vàng Tổng Quản ở Dương Châu, thiết hội cúng dường ngàn vị tăng, cung kính truyền trao giới Bồ-tát. Giới gọi là Hiếu, cũng gọi là cấm ngăn, phương tiện Trí Độ quy tông kính phụng rất mực, làm Đại trang nghiêm, đồng tâm từ của Như Lai, khắp tình thương của Chư Phật, có cái nhìn bình đẳng đối với bốn loài chúng sinh giống như con một, v.v...”

Sau đó, tại Nội Để, đích thân Sư truyền giới hương, trao pháp luật nghi. Sư bảo: “Đại Vương (tức chỉ Vua Văn Đế-Dương Khiêm-đời Tùy). Vì độ xa cứu giúp làm chính, tên thật phù hợp với nghĩa chẳng khinh ước, nay có thể gọi pháp danh là Tổng Trì, dùng để nhiếp Đạo cùng gồm”. vua đánh lễ thọ nhận lời chỉ dạy của Sư, mà nói rằng: “Đại sư Thiền Tuệ bên trong dung thông, dẫn dắt bằng Pháp trạch!” Liền kính trọng tôn xưng Sư là “Trí Giả”. Từ đó, Sư chuyên dẫn dắt, ngày một thêm cao sâu. Vật cúng dường có được hơn sáu mươi thứ, đồng một lúc Sư hồi hướng ban thí gieo trồng vào hai ruộng Bi và Kính, nguyện cho phước đức thêm nhiều, dùng để xướng thạnh nước nhà. Sư muốn trở về lại chốn núi rừng xưa, Vua cố cầu thỉnh. Sư bảo: “Trước kia đã có Minh Ước, mọi sự không hai trái nhau.” Và liền rũ áo đứng dậy. Vua không dám mời thỉnh nữa, chấp tay theo đưa ra đến cửa thành. Sư xoay lại bảo: “Việc nước gìn giữ chẳng phải nhẹ. Việc Đạo đến cùng nên dừng, mong quán xét Phật hóa, mở mang giữ gìn ở cõi lòng!” Vua kính lễ trọng vọng, vành mắt ngấn lệ mà trở vào.

Sư bèn ngược dòng lên trên đầu sông, tìm lại khuông lãnh. Nhóm chúng hành đạo, thường cảm điềm lành. Chư tăng ở vũng ven như Bách Việt, nghe Đạo phong Sư bèn tìm đến, lấm vết tích cùng vôi vàng. Sư lại lên Hương nhưỡng thuộc Chử cung để báo đáp ân chỗ đất đã sinh ra mình. Kẻ tăng người tục ngóng trông, già trẻ dẫn nhau tìm đến. Thiết lập giới đàn, giảng toạ, chúng đông gần cả ngàn muôn. Sư bèn đến núi Ngọc Tuyên ở huyện Đương Dương, xây dựng tinh xá. Vua Văn Đế ban biển ngạch chùa, đề hiệu là “Nhất Âm”. Đất ở đó xưa kia hoang vắng hiểm nguy, thần núi rắn thú hung dữ, từ khi Sư lập chùa về sau, tự nhiên không còn phải lo tai hoạ. Khi ấy đang là mùa xuân mà trời nắng hạn, muôn dân đều cho là bởi thần tức giận. Sư đến chỗ nguồn suối, dẫn chúng trì tụng kinh, bèn cảm mây nhóm mưa tuôn, những lời vu vơ tự biến mất. Tổng Quản Nghi Dương Công Vương Tích đến núi lễ bái, kính sợ đổ mồ hôi, chẳng an, bèn trở ra nói rằng: “Tích tôi từng trải qua quân trận, đến chỗ nguy ách lại càng hùng mạnh, nhưng chưa từng kinh

hãi khiếp sợ như ngày nay!”.

Năm đó, Tấn Vương lại viết sớ tay sai người đưa đến thỉnh mời Sư trở về. Với Văn từ là: “Đệ tử rất may mắn mới được bẩm thọ thầy trò, từ vô lượng kiếp đến nay thấy đều nhờ khai ngộ. Sắc tâm Vô tác, năm xưa kính thọ. Thân tuy sơ lậu mà tâm giữ gìn hạt châu sáng. Nước Định thiên chi, lắng tan quy tĩnh, mang đội nước nhà trấn giữ phiên ngung, làm tôi, làm con, há vắng vắng bốn duyên mà vào được Tam-muội! Điện chớp đoạn kết, loại ấy lắm nhiều. Tuệ giải thoát người, bạn quyết chẳng thiếu. Ngay ngày muốn phục ứng, trí loạn dẫn trước Danh giáo. Mãi chìm đắm trong dòng Pháp, kiêm dùng cai trị nước nhà, chẳng biết đáy ngưng trệ có thể khai hóa được không? Thầy Nghiêm Đạo quý có thể hàng ý được chăng? Căn cơ cạn thấp đời trước có thể nảy mầm được chăng? Bồ-tát ứng cơ có thể hợp thời chăng? Trong Kinh Thư nói là “Dân sống có ba, thờ phụng như một” Huống gì sâu rộng như Thích Điển, mà chẳng theo thầy. Lời ân hận ngày nay đầy đủ rõ ràng thành thực, việc thành tựu lại xin bỏ sức từ!”.

Sư trả lời thư rằng: “Sai lầm tiếp thừa người chủ, tìm hỏi vết tích thầy trò. Đoái nhìn lại nhỏ mọn này, chẳng phải thời hứa thuận. Huống gì nay lệnh chẳng phải khắc đáng, nhọc muốn trầm ngâm, ắt trái với nương gởi sâu xa!”

Vua lại thỉnh rằng: “Học quý ở điểm tiếp thừa thầy, sự suy vật luận. Trái qua mong cầu Pháp giới, để tâm hiện có, kính ngưỡng đã trồng gốc lành từ lâu, chẳng phải một đời được, mà là do tu học, không bao lâu gặp Thánh cảnh. Nam nhạc ký biệt nói Pháp bậc nhất, không vì kính ngưỡng quá. Thiên sư Chiếu thuật lại đủ việc ấy. Đến nay tâm vui mừng vì vực nội thốn tất thành thực. Trí giả xưa kia vào đời Trần, nước ấy sáng thử. Nhóm họp tại chùa Ngõa Quan, các luận dấy khởi. Sa-môn Tuệ Vinh gượng nói bị bẻ sừng trước. Lương Quỳnh kế tiếp khuôn phép mới được giao di. Nhẫn sư khen ngợi ít có. Đệ tử kính ngưỡng bắt đầu thỉnh mời, khuất lên vô úy, giải thích hỏi vặn như dòng chảy, gần gũi chỗ thấy nghe, mọi người đều chiêm ngưỡng. Tiếp thừa Kinh Sở trước không ai chẳng quy phục. Chẳng phải Thiên, không phải trí, nghiệm lời ấy từ miệng vàng. Ở đây giải thích những lời bàn luận, Trí giả dung hội rất có giai vị. thí như các dòng sông đều chảy vào ra biển lớn. Ở đây gồm nêu mới được ý Phật. Cúi mong chưa được khiến cho được, chưa Độ khiến được độ. Lạc thuyết chẳng cùng, Pháp thí không tận.”

Sư bèn theo đó xuất hiện lại, khiến soạn Tịnh Danh Kinh Sớ. Liễu cố ngôn ở Hà Đông, Từ Nghi ở Đông Hải đều là những vị tài hoa trụ

tích, ứng phụng văn nghĩa, giam kín kho báu. Vua đích thân thọ trì.

Sau, Tiêu Phi bị bệnh khổ, các thầy thuốc hết cách cứu chữa. Vua sai khai Phủ Kiếu Cố Ngôn, v.v... mang thư đến thỉnh, xin Sư cứu giúp bệnh khổ. Sư lại dẫn chúng kiến lập trai hội bảy ngày, hành trì pháp sám Kim Quang Minh, đến đêm thứ sáu, bỗng có con chim lạ bay vào trong trai đàn bay lượn rồi chết, chỉ khoảnh khắc sống lại và bay đi, lại nghe có tiếng heo kêu la. Mọi người đồng chăm chú trông nhìn. Sư bảo: “Tướng này hiện ra, Tiêu Phi sẽ lành! Chim chết mà sống lại, biểu thị nắp quan che lại mở, tiếng heo u tối kêu rên là nói lên trai phước tiếp thừa.” Đến sáng hôm sau quả nhiên bệnh khổ qua khỏi. Vua rất vui mừng. Gặp lúc nhập triều, Sư bèn trở lại núi Thiên Thai, đích thân dẫn dắt thiền môn, càng hành trì sám pháp trước. ngài bèn lập thệ nguyện rằng: “Nếu đối với Tam Bảo thật sự có ích lợi, sẽ hạn từ nay cho đến những năm còn lại, còn như sống không ích lợi gì thì nguyện mau được thác hóa.”

Sau đó không bao lâu, Sư bảo chúng tăng rằng: “Tôi sẽ qua đời tại đất này. Do đó thường muốn trở về núi, nay vâng phụng minh cáo, thế lực sắp hết. Sau khi tôi chết, nên đặt trên ngọn núi phía Tây Nam, chất nhiều đá chung quanh thi thể, trồng thông để phủ lấp lại, mới xây tháp trắng, để người trông thấy mà phát tâm Đạo.” Sư lại bảo: “Khách buôn có gói vàng, hết bệnh thì giữ lại thuốc. Tôi tuy chẳng thông minh, nhưng cuống tử có thể buồn!” Sư bèn giảng truyền Luận Tâm Quán, tùy lược sơ thành, chẳng cần sửa văn.

Ngài bảo Học Sĩ Trí Việt đến chùa Thạch Thành quét dọn. Tôi sẽ đến trước tượng Phật ở đó mà thị tịch, đặc giường ở vách tường phía Đông xoay mặt về hướng Tây, xưng niệm Phật A-di-đà, Bát-nhã, Quán Âm. Lại bảo đốt nhiều hương đèn, xin ba y, bình bát, tích trượng để gần bên mình, ngoài ra các Đạo cụ khác, chia thành hai phần: một phần dâng cúng Đức Phật Di-lặc, một phần để yết-ma. Có người muốn dâng thuốc uống. Sư bảo: “Thuốc có công năng trừ bệnh, lưu lại những năm tàn ư? Bệnh chẳng hợp với thân, thuốc làm sao trừ bệnh? Tuổi tác chẳng hợp với tâm, thuốc làm sao giữ lại? Ngày trước Trí Hy nói: Còn nghe được điều gì? Trong Luận Quán Tâm nói: Lại cái gì là đạo? Lãng xãng thuốc thang, làm phiền người khác”. Lại có người xin dâng trai phạn. Sư bảo: “Chẳng phải chỉ xế bóng một bước mà gọi là Trai. Nếu có thể Vô Quán Vô duyên mới thật là Trai. Tôi bình sinh nhọc với độc khí, chết là vui mừng được ngồi nghỉ trở về. Tướng đời là như thế, không đáng để than nhiều!” Sư lại xuất ra Tịnh Danh số do Sư soạn và

như ý bằng sừng tê, chuối châu như ý, Lò hương hoa sen, và Di thư già biệt Tấn Vương tất cả bảy trang, Văn rất bao gồm. Từ nghĩa phong thái nêu cao, đem Đại Pháp mà căn dặn, ở cuối trang tự tay Sư ghi chú rằng: “Lò Hương và Như Ý là của Đại Vương, trở lại dùng để kính biệt, khiến mãi bày hương đức, mãi giữ gìn Như ý.” Sư bèn bảo xướng tựa đề Kinh Pháp Hoa, và Sư tán dẫn rằng: “Pháp môn là cha mẹ, tuệ giải từ đó sinh. Bốn tích rộng lớn, nhiệm mầu khó sánh lường. Thôi cắt đứt cung đàn ngày nay!” Lại nghe Kinh Vô Lượng thọ xong, Sư bèn khen rằng: “Bốn Tám (48) Nguyên lớn, trang nghiêm Tịnh Độ. Ao hoa cây báu, để đến mà không người, v.v...!” Sư lại xin lấy nước ấm, hương thơm để súc miệng, rồi giảng mười Như thị, bốn Bất sinh, mười Pháp giới, ba Quán, bốn giáo, bốn tâm vô lượng, sáu độ, v.v... có người hỏi Sư đã chứng đạt quả vị nào. Sư bảo: “Các ông biếng lười gieo trồng gốc lành mà chỉ hỏi công đức người khác, giống như người mù hỏi lỗ chân lông, kẻ què chân mà hỏi thăm đường đi, v.v... Nếu tôi chẳng lãnh chứng thì đã thanh tịnh sáu căn. Nhưng vì người khác mà tổn hại mình nên chỉ được ngôi vị Ngũ Phẩm! Các vị thầy bạn của tôi đang theo Bồ-tát Quán Thế Âm, Đại Thế Chí cùng đến đón rước tôi. Ba-La-Đề-Mộc-Xoa là Tông ngưỡng của các ông, bốn thứ Tam-muội là Đạo sáng của các Ông!” Sư lại bảo vị Duy Na rằng: “Người sắp qua đời nghe được tiếng chuông khánh thì càng vững chánh niệm, vừa dài vừa lâu, cho đến lúc trút hơi thở cuối cùng, tại sao thân lạnh mới lại đánh chánh. Khóc than, vận mặc tang phục như thế gian, đó đều là những việc không nên làm. Các ông hãy im lặng, tôi sắp đi đây!” Nói xong, Sư an nhiên ngồi thẳng như nhập định mà thị tịch ở trước tôn tượng Phật bằng đá lớn ở núi Thiên Thai, thọ sáu mươi bảy tuổi. Lúc đó nhằm ngày hai mươi hai tháng mười một niên hiệu Khai Hoàng thứ mười bảy (597) đời Tùy.

Sau khi Sư thị tịch, đại chúng bèn y theo lời dạy của Sư mà tầm liệm. Đến cuối niên hiệu Nhân thọ (605) đời Tùy về trước. Bỗng nhiên thấy Sư chống tích trượng đắp y giống như khi còn sống, qua bảy lần xuất hiện, nhiều lần xuống chùa núi, một lần trở về Phật Lũng nói với đệ tử rằng: “Y cứ hành trì theo nghiệp xưa, các ông mỗi người đều an ổn chứ?” Cả chúng đều trông thấy, buồn kính thưa hỏi, giây lâu Sư biến mất.

Từ khi Sư giáng linh long tượng, dưỡng dục thần tại Giang Hán, nương tích Thiện mà gá sinh, nhờ gốc Đức mà hoàng hóa ở đời. Thân Sư cao hơn bảy thước, mắt có ánh sáng khác thường. Học gồm cả Thích Môn, hành mở tăng vị, qua lại núi non mà chẳng nhuốm bụi tục, thường

cảm điềm lành sâu xa, chẳng thể lường được. Lúc đầu, nhà Vua còn ở tại đất phiên sai người đưa thư vào núi đón rước. Nhân đó ban phát các vật, nêu khuôn viên chùa viện. Điện đường phòng nhà lấy làm Đồ dạng. Sư bảo với đệ tử rằng: “Đây chẳng phải duyên nhỏ mà có thể cấu kết, sẽ có Hoàng Thái tử vì ta mà xây dựng chùa, hãy y cứ theo đó mà làm, Các ông nên thấy đó”. Sau, quả nhiên đúng như lời Sư nói, sự tích Sư thấy trong Biệt truyện.

Sư đến trụ ở Lâm Hải, dân chúng ở đó lấy việc săn bắt cá làm nghề sống, lưới chài nối liền nhau bốn trăm dặm. Các Khê lương ở Giang Hồ có sáu mươi cơ sở. Sư trắc ẩn quán xét tâm kia đây hại nhau, nên khuyên bỏ gây tạo nghiệp tội, dùng Phước duyên để giáo hóa. Nên các thứ vàng bạc, gấm lụa ngài có được chất chứa như núi, bèn lấy đó mà mua khúc eo biển ấy làm ao phóng sinh. Lại sai Sa-môn Tuệ Bạt dâng biểu tấu trình Vua Tuyên Đế (Trần Húc 569 - 589) thì nhà Trần bèn ban sắc lệnh nghiêm cấm không được bắt cá tại ao đó. Triều đình lập Bia, ban chiếu sai Quốc tử tế tửu Từ Hiếu Khắc soạn viết dựng ở bờ Biển. Văn từ rất buồn thảm, người đọc không ai chẳng rơi lệ. Khi Sư trở lại Phật Lũng vẫn tu tập pháp Định như thường, bỗng nhiên có đàn chim sẻ màu vàng bay liệng đầy trời cùng vui mừng, kêu hót trong chùa suốt ba ngày mới tan. Sư bảo: “Đó là cá đến báo ân ta. Đến nay, là niên hiệu Trinh Quán (627 - 650) thời Tiên Đường, vẫn không dám phạm, Vua vẫn ban sắc cấm đó đồng như đời Trần. Đó là do tâm từ tế rộng lớn, nhân tuệ khó thêm. Lại ở tại núi có loại nấm, xúc chạm vào cây đều rủ, hễ hái liền mọc, để cúng dường chúng tăng. Nếu người khác trải qua, thì nấm chẳng mọc. Lấy đó mà nói thì thật là Đạo cảm.

Ngài soạn Pháp Hoa kinh sơ, Chỉ Quán Môn, Tu Thiền Pháp v.v... mỗi thứ mấy mươi quyển. Lại soạn Tịnh Danh sơ, đến phẩm Phật Đạo có được ba mươi bảy quyển, đều do miệng giảng thành chương, thị giả sao chép lại. Nhưng Sư chẳng tự chứa nhóm một chữ. Ngoài ra tùy việc lưu quyển chẳng thể nói hết, đều là thấu suốt yếu chỉ sâu mầu, tư tưởng rộng lớn. Vua Dương Đế (Dương Quảng 605 - 617) đời Tùy phụng kính rất chu toàn, lại như phù hợp mạng, đến lúc tới Đại bảo thì liền cất giấu các Luân Các. Do đó tiếng tăm tỏa sáng tràn khắp vũ trụ, oai tướng trùm mãi cho đến ngày nay vậy. Mà Di cốt Sư đặc biệt ngồi thẳng như lúc còn sống, dùng cửa đá để chôn giấu, lấy khóa vàng để bít ngăn. Mỗi lúc có duyên sự mở ra phải được biệt sắc. Mỗi năm đến ngày húy kỵ, vua đều bãi triều, sai Trung Sử đến núi thiết cúng. Có Thượng thư lệnh Dương Tố là người tánh độ rộng rang, mọi việc đều đáng tin, bèn tỏ bày



ý nghĩa của mình rằng: “Vì sao xương khô mà ngồi thẳng như lúc còn sống?” Vua ban sắc trao cho chìa khóa cửa, bảo hãy tự đến xem. Đã thấy như báo trước, được tin bèn trở về.

Ngài rữ tỏa khuôn phép khắp cả Đông tây, hoằng hóa cùng cả muôn dặm. Xây dựng chùa lớn gồm ba mươi lăm cơ sở, tự tay độ tăng chúng hơn bốn ngàn vị, viết chép kinh được mười lăm tạng. Dùng Kim Đàn họa tượng khoảng mười muôn bức. Hơn năm mươi châu kẻ tặng người tục thọ giới Bồ-tát chẳng thể ghi hết. Truyền nghiệp Học sĩ có ba mươi hai vị. Tu thiền Học sĩ tan rải khắp Giang Hán, chẳng thể hạn định được số lượng. Có Sa-môn Quán đảnh theo hầu phụng dâng bên cạnh Sư nhiều năm, ghi chép lại hành trạng của Sư được hơn hai mươi trang giấy. Lại có Sa-môn Pháp Lâm trụ chùa Long Điền ở núi Chung Nam là bậc Đạo phong của Tông ôn, quán truyền giới pháp, vì đức âm của Sư cao xa, khoan cây không bao lâu thành rừng rậm, vì đó mà viết truyện rộng truyền bá ở đời. Cuối thời Vua Dương Đế (617) đời Tùy, nhân đi tuần đến Giang Đô, mộng thấy ngài (Trí Giả) căn dặn nương cây. Vua bèn tự soạn Văn bia, lời văn rất rộng sáng, chưa kịp khắc dựng, gặp phải tao loạn, nên bị mất.

#### ***4- Truyện ngài Thích Đàm Sùng trụ chùa Thanh Thiên ở Kinh Đô:***

Thích Đàm Sùng, họ Mạnh, người xứ Hàm Dương. Sư vừa ra đời liền biết được chánh kiến, từ nhỏ đã hiểu và kính tin.

Năm bảy tuổi, Sư vào Đạo, tụng rộng các Pháp. Siêng năng chăm chú không ngừng nghỉ. Sau, Sư theo nghe pháp ở các trường giảng hùng biện không ai vượt hơn, bèn dùng đèn trí tuệ muốn cho giúp nhiếp niệm, Thánh quả thành nên có ý tưởng cố định. Sư bèn theo nương tựa Thiên sư Khai. Đến lúc thọ giới, chí Sư càng trong sáng, và bèn học Luật Tăng kỳ có hơn mười biển. Sư y cứ mà giảng giải, thính chúng có đến ba trăm vị. Luật Yếu ở Kinh phụ đều lấy đó làm chính. Sau, vì khó khăn nơi ngôn thuyết, lại tôn sùng Quán trước. Trán cao, mũi thẳng là chỗ để tồn tướng. Dưới cây giữa rừng là nơi Sư ở, thế mà ánh sáng từ trong tỏa phát, sắc tướng bên ngoài dứt trừ. Thân hình chỉ như cây khô, tâm tướng tự tro lạnh. Sư riêng tinh chuyên sáu hạnh, suốt gồm năm môn, nên Khai Công ở giữa chúng ngợi khen Sư là bậc nhất. Và Sư được các bạn đồng học cung kính, lại gọi Sư là Vô Thượng Sĩ. Đến lúc thầy thị tịch, giao phó Sư dẫn nhiếp đồ chúng.

Bấy giờ cả năm chúng có hơn hai trăm vị nương tựa Sư thực hành

tĩnh lặng. Tiếng tụng vang khắp Lũng tấc, hoàng hóa khắp cùng quan hà. Mọi người tìm đường hướng theo Đạo phong, xa ngàn dặm cùng đến đầy cửa chậ nhà, Sư ngồi răn dạy môn nhân. Hoặc có người mới tu Pháp Quán bất tịnh, hoặc có người đã tu học đến Nhân Không. Niệm từ bi kia, mở mang phép chánh.

Vua Võ Đế (Võ Văn Ung 561 - 579) thời Bắc Chu đặc biệt kính trọng vâng thừa, bèn ban sắc rằng: “Thiền sư Đàm Sùng đức hạnh không tỳ vết, tinh ngộ vượt hơn mọi người. Học chúng tham dự, chưa nghe có lỗi phạm, đáng là dùng Đức nghĩa để dẫn dắt, nên khuôn phép chúng bật hình thanh tịnh, đáng làm Tam tạng Pháp sư của nước Chu.” Năm Sư đảm nhiệm làm tự chủ chùa Trắc Hổ, liền theo mà giáo hóa dắt dẫn, tăng ni đều khen ngợi. Thường bị tặng chức làm ngưng trệ bước chân, chưa được hứa thuận rảo bước, Sư bèn giả mượn duyên khác, bèn thuận theo thế tục. Tuy bên ngoài vâng thuận theo uy quyền của Vua, nhưng bên trong giữ gìn Đạo trình thuần. Vua lại ban cho các hàm tước như Kim tử Quang lục, v.v... nhưng Sư đều chẳng nường cậy. Tuy trầm lắng trong vận thời nguy ách, nhưng Sư chẳng phớt bỏ việc lợi người.

Đến đầu thời Đại Tượng, Hoàng triều nhà Tùy mở mang Vạn mạng, đước pháp đước soi chiếu trở lại. Sư liền dự cùng một trăm hai mươi vị tăng đước ban sắc trụ chùa Hưng Thiện. Bỗng nhiên lại ban sắc riêng đề cử Sư trông coi đảm nhận chùa. Sư lại ân cần từ tốn, chẳng chịu nhận. Nhưng vì đạo hạnh Sư phủ suốt cả chư tăng, là giới Phạm của các hàng Vương Công. Xưa kia, vì Phật Pháp bị suy đồi hủy hoại, Sư ước nguyện riêng sớm đước hưng thịnh trở lại, kính cần xây dựng một ngôi chùa để làm tòa sáng thời Mạt pháp. Nhân đó mà Sư tấu trình lên Vua Văn Đế (Dương Khiêm 581 - 605) đời Tùy bèn xây dựng chín ngôi chùa để xứng hợp với nguyện của Sư. Và mọi sự đều do nước nhà chu cấp đến hết đời vua Văn Đế. Cao Đường Công vốn bẩm hạnh môn, riêng quy hướng kính tin, bèn cất nhà để làm chùa, dẫn chúng ở đó, sắc bảo lấy sự tĩnh lặng làm nơi quy hướng, thiền chúng đước khen ngợi. Vua ban biển ngạch đề là Thanh Thiên, nay chính là ngôi chùa trong cửa Thanh Minh.

Tấn Vương đời Tùy kính trọng thiền lâm, giáng oai làm đàn việt của chùa, trước sau đưa đến hơn bảy mươi Hộ. Ông lặn nước và bàn tán, trên dưới sáu thứ đều sung vào làm cơ nghiệp truyền lại mãi đến ngày nay. Nhà vua xưa trước là chỗ tiếp thừa Danh tiếng, nay gần gũi chánh nghiệp. Đầu niên hiệu Khai Hoàng (581) đời Tùy, vua ban sắc đưa mười bốn ngàn xấp lụa, năm ngàn tấm vải bố, ngàn đồng bông tơ, hai

trăm xấp gấm, hai mươi tấm lụa năm màu, gạo thượng hạng trước sau có ngàn thạch, đem đến cúng dường. Hoàng Hậu lại ban lệnh đưa năm ngàn quan tiền, mười lăm lãnh gia, năm mươi dao cạo đến cúng dường. Phước của Sư cảm đến sở nguyện ngày nay, lưu truyền lớn lao về sau.

Ngài xây dựng một ngôi tháp để báo ân bồ đề của nước nhà. Vua nghe mà rất vui mừng. Nội cung nghinh tặng sáu viên xá-lợi để đồng mở nghiệp lớn. Bấy giờ, Phật pháp mới sơ khai. Đồ tượng còn thiếu nhiều, Sư xây dựng ngôi tháp ấy rất xứng hợp với tâm vua. Nên vua ban sắc tìm người thợ tên là Đỗ Sùng, bảo lo việc sửa sang, tính liệu tốn hao hơn ba ngàn quan tiền, tám mươi muôn viên gạch. Vua dùng công nghiệp riêng để chi phí. Sợ có sự thiếu hụt, vua lại đưa các thứ y phục của mình và y phục của Hoàng hậu mặc tất cả một ngàn ba trăm bộ dùng để hỗ trợ tùy hỷ.

Niên hiệu Khai Hoàng thứ mười một (591) đời Tùy, Tấn Vương trấn tổng tại Dương Việt, xây dựng Linh Bàn và các thứ trang sức. Đến niên hiệu Khai Hoàng thứ mười bốn (594) mới thành tựu. Cao toàn bộ mười một tầng, đứng sáng ngời giữa thái hư. Khắp kinh ấp đều khen ngợi là tốt đẹp. Từ đó về sau, cúng dường nối nhau, mọi thứ vật dụng đều rất nhiều. Vua lại xây dựng Phật đường, Tăng Viện, đều đưa năm hàng điều độ. Mọi việc trồng trọt cây rừng v.v... đều giao phó cho tăng chúng trông coi và giúp sức làm thành. Sư đã được coi trọng ở đương triều, qua lại không ngăn ngại, nơi chốn cửa cấm cung đình còn ồn ào chưa an, phải có chỗ luận bàn. Sư cầm tích tượng đi đến. Khi ấy, ở tại Đại nội, Sư trình bày về Tịnh nghiệp. Vua Văn Đế lễ tiếp Sư và tự tôn xưng “Ngài là thầy của con”! Hiến Hậu tiếp nhận Đức lại tôn xưng “Ngài là thầy của con gái con!” Và khi Sư về ở nơi chùa thì ban sắc bảo chở đến, hỏi để xây cất chỗ ở, không sáng nào chẳng đến. Từ chỗ được các thứ ngoại lợi, Sư đều cúng thí vào Già-lam, tự thân chỉ gìn giữ y bát mà thôi.

Đến ngày ba mươi tháng mười niên hiệu Khai Hoàng thứ mười bốn (594) Sư tịch tịch trong phòng tại chùa, thọ tám mươi tuổi. Vua Văn Đế vô cùng buồn rầu, ban sắc an táng. Mọi sự cần dùng trong tang lễ đều do Hữu Ty cung cấp. Kẻ tặng người tục đệ tử của Sư có hơn năm ngàn người đón rước nhục thân Sư đến phía hữu chùa Chí Tướng ở núi Chung Nam, xây tháp thờ Sư màu trắng, khắc dựng bia minh, đến nay hiện vẫn còn.

Mới đầu, trước lúc Sư tịch bảy ngày, cột phướn trong chùa vô cơ tự nhiên gãy đổ, giếng nước ngoài cửa bỗng nhiên cũng khô cạn. Chúng

tăng lấy làm quái lạ về các việc ấy. Đến đêm cuối cùng, ngài căn dặn rằng: “Ta có việc phải đi, nên nay cần phải giao phó!” liền đem các thứ y cụ vật riêng cúng thí vào cửa Tam Bảo. Đến cuối đêm, chúng tăng cảm thấy có tướng khác lạ, bèn đến xem coi Sư thế nào hơi thở đã dứt. Sư không bệnh mà thị tịch. Hình sắc vẫn như lúc còn sống. Nhân đó mới tấu trình lên vua, không ai chẳng thương cảm.

#### **5- Truyện ngài Thích Tuệ Việt ở Nội Đạo Tràng Tuệ Nhật:**

Thích Tuệ Việt, người xứ Lãnh Nam. Ở trong núi La Phù, Sư nhóm chúng thực hành thiền pháp, vang tiếng cùng Nam Việt. Tánh Sư thường luôn trầm ái, thương giúp muôn loài. Sư an ở nơi chốn rừng sâu hiểm trở mà hổ báo không nhiều hại. Từng có đàn thú đến gối đầu lên chân Sư, Sư bèn vuốt râu mặt nó, mà tâm không chút ngại sợ. Chúng tăng đều trông thấy vậy và đồng lấy làm lạ. Sư hành hóa khắp Ngũ lãnh, tiếng tăm lưu bố cùng Tam sơn.

Vua Dương Đế (Dương Quảng 605 - 617) khi đang ở tại đất Phiên, chọn lựa những bậc tài giỏi, nên cuối niên hiệu Khai Hoàng (601) đời Tùy sai bảo Xá nhân Vương Diên Thọ đến thỉnh Sư đến Đạo tràng Tuệ Nhật ở Tấn Phủ. Và ngài theo vua đến kinh đô tại chỗ Thông Hoá. Cuối cùng Sư về lại Dương Châu, giữa đường bị bệnh mà thị tịch. Để nhục thân trên thuyền mà vẫn như lúc sống. Ban đêm thấy có ánh sáng từ dưới chân phát ra và trở lại vào trên đỉnh đầu. Và lại từ đỉnh đầu lại lưu xuất ra rồi theo gót chân mà trở vào, suốt đêm chẳng ngừng dứt. Kẻ Tăng người tục đều lấy làm lạ, ngợi khen là điều chưa từng có. Vua bảo đón rước về an táng tại núi cũ để tỏ sự thành kính đối với Sư.

#### **6- Truyện ngài Thích Tuệ Thật trụ chùa Lý Đạo ở Tương Châu:**

Thích Tuệ Thật, họ Hứa, người ở xứ Dĩnh Xuyên. Sư xuất gia từ thuở thiếu thời, chỉ thuần sâu mầu cao thượng. Sư đến khắp các danh sơn. Cuối đời Lương, Sư đi bộ đến núi Thiên Thai, gồm tập thiền nghiệp. Vào phòng thì Sư đóng cửa, ra thì mở toang. Y bát luôn theo bên mình, chỉ để lại giường chiếu. Sư là bậc trượng phu nhẹ nhàng trong sạch.

Đầu đời Trần, Sư chống tích tượng đến Long bàn, bật dấu vết người đời hơn năm mươi năm. Sư quý chuộng hạnh Đầu-đà, thường ở lặng yên. Từ nhỏ đến cuối đời, hông Sư chẳng hề chạm đến vật. Tuy thân hình suy yếu, tuổi tác già mua, mà chí khí Sư càng tinh tiết, càng già càng cố gắng.

Đến ngày hai mươi ba tháng tám niên hiệu Nhân Thọ thứ tư (604)

đời Tùy, Sư thị tịch tại phòng ở chùa Lý Đạo thuộc Tương Châu, thọ chín mươi sáu tuổi. Sư để lại Di chỉ, bảo đem nhục thân để trên ngọn núi Phía Bắc rừng Thi-đà. Sau, thân nhật di cốt về an táng tại Sơn Nam, xây tháp gạch ba tầng, để ghi nhớ đức hạnh của Sư.

**7- Truyện ngài Thích Tăng Thiện trụ núi Mã Đầu ở quận Văn Thành:**

Thích Tăng Thiện, họ Tịch, người xứ Bình Chánh; thuộc Quận Giáng. Sư xuất gia từ thuở nhỏ, bèn theo Định nghiệp. Sư nổi tiếng ngang với Phương Công ở tuổi Lâm Lạc thuộc Quận Cấp. Mỗi vị nhóm theo đồng loại, nương tựa nơi chốn núi hang mà đượm nhuần vị đạo. qua lại các núi Lạc Dịch, Bạch Hồ, Thái Hành, Bảo Độc, Lâm Lự v.v... nổi tiếng khắp bốn phương xa, người quy tông rất đông.

Sư có đệ tử là Sa-môn Tăng Tập, vì thương xót Phần Khúc ấy, nên đến thỉnh Sư giáo hóa thông cùng. Sư lấy cố chúng tăng ở núi với thường nghiệp sợ có sự trái lìa, nên tuy nhiều lần thỉnh mà Sư vẫn không nhận lời. Ngài Tăng Tập nói: “Trước sau mời thỉnh, đón rước hơn ba mươi lần, tình của trăm họ, tình không thôi, mài gót chân có hết, tâm thệ nguyện chẳng khó xả bỏ”. Sư bèn theo đến trụ trong núi Mã Đầu, đại hành pháp thiền. Khắp các xứ Bồ, Ngô, Tấn, Giáng đội xiêm cùng rầm rĩ. Chúng nhóm họp rất đông, Sư bèn chia làm bốn Bộ, tức các xứ Bôi Bàn, Đại Hoàng v.v... ở hai rừng Đông tây ấy. Đều là phòng lẻ thất riêng, sao tan rừng vắng, ngồi yên tại chỗ, chỉ có mười tất cả nhập mà vì nêu cứ. Đều chúng đông đến năm trăm vị mà trang nghiêm tĩnh lặng.

Trong khoảng niên hiệu Nhân Thọ (601 - 605) đời Tùy, Đạo của Sư càng lớn mạnh. Đến lúc bệnh Sư đã trở nặng, Sư bảo đệ tử rằng: “Bệnh của ta là trong bụng lạnh kết, là do xưa kia vào độ tuổi niên thiếu, ở trong núi rừng chuyên tu đạo nghiệp, khi lương thực đã hết mà lưỡi đi khát thực, chỉ ăn nuốt đá nhỏ để đầy đủ trong ngày. Nhân đó có cảm giác bị bệnh. Sau khi tôi chết hãy mổ bụng mà xem!” Quả nhiên đúng như lời Sư nói. Sư nhiều lần bảo rằng: “Các ông phải siêng năng tu nghiệp, chớ nên vì lao nhọc hoằng hóa thế tục mà phớt bỏ việc chính của mình. Sau khi tôi chết, chẳng cần thiêu đốt hao tổn vật mạng bên ngoài, hãy để ngồi trong cái bình mà chôn!” Đến ngày mười một tháng ba niên hiệu Đại Nghiệp thứ nhất (605) đời Tùy, Sư ngồi kiết già như lúc bình thường mà thị tịch ở trong núi Đại Hoàng. Kẻ tăng người tục y theo lời Sư căn dặn mà an táng.

Ngài Tăng Tập vốn ở tại Giáng Châu, kết tâm với định nghiệp,

tiếp thừa ngài Thiện Công, chẳng thiếu sự hoàng hóa. Về sau, Sư đến trụ chùa Bảo Nghiêm ở Tấn Châu, Sung tăng để trông coi ruộng lúa, thấy sát hại các loài trùng dưới nước trên khô, Sư chẳng dằn nổi sự chua cay, nhân đó, vất bỏ công danh, tìm lại sự nghiệp cao cả ngày xưa. Trong ngày ngài Tăng Thiện thị tịch, thì Sư đang hành hóa nơi khác, không được gặp mặt. Sư nhờ hỏi các người đương thời thì đều đã quá vắng, bèn mang các vật cúng đến núi thiết lập trai hội, buồn khóc thương nhớ dấu vết xưa, đoái hoài kính phụng thì chẳng do đâu mà được, cố tìm Di hài thì chẳng biết ở đâu! Bỗng nhiên nghe có tiếng lửa dữ cháy lan, âm vang phát ra từ hang rừng, thấy đất nứt nẻ, bình lộ bày ra ngoài, Di cốt của ngài (Tăng Thiện) trắng như tuyết, chỉ còn chiếc lưỡi mâu hồng đỏ đẹp ánh hơn cả khi Sư còn sống. Nhân đó, ngài (Tăng Tập) lấy di cốt và chiếc lưỡi xây dựng hai ngôi tháp để phụng thờ.

Đến ngày mồng chín tháng giêng niên hiệu Trinh quán thứ mười chín (thời Tiền Đường, ngài (Tăng Tập) thị tịch tại phòng ở núi, thọ sáu mươi bốn tuổi. Khi thị tịch, Thần tư Sư an ổn, xưng niệm danh hiệu Phật mà tịch!

Bấy giờ, tại núi Tiểu Du ở phía tây Tấn Châu, có Sa-môn Tăng Tập là người khổ tiết ở chốn núi rừng, nhóm chúng hành trì thiền nghiệp. Sư nuôi dưỡng các loài rắn chuột, thuần quen đến nỗi có thể đưa tay bắt lấy, thường xuất hiện chung quanh Sư, đuổi chẳng chịu đi. Nhưng có người tục đến, liền tự ẩn mất.

#### **8- Truyện ngài Thích Huyền Cảnh ở Nghiệp Hạ thuộc Tương Châu:**

Thích Huyền Cảnh, họ Thạch, người ở xứ Thương Châu. Năm mười tám tuổi, Sư thi đỗ tú tài, đi đến Nghiệp Đô, làm Hoà Vương tỉnh Sư. Sư đọc sách qua một biển, liền nghiên cứu Văn Nghĩa, chỉ trong khoảnh khắc liền dẫn chứng không hề bỏ sót. Trong vòng năm năm, với Sư không còn sách gì đáng đọc. Sau, ngài đến chỗ Thiền sư Hòa nghe giảng kinh Đại Phẩm, Duy-ma, Sư đến bên cạnh cửa đứng nghe, soi xét sâu vượt, bèn cùng quy hướng thọ học. Thiền sư Hòa là người được trọng vọng về Định nghiệp, tham hỏi rất nhiều, bảo Sư đến nương tựa Pháp sư Tuệ, và Sư được truyền trao cho các thứ Kinh giáo Đại thừa sâu mầu đến chỗ cùng cực. Đã được rót vào tâm khảm, Sư bèn phát chí xả tục.

Năm hai mươi bảy tuổi, Sư già biệt vợ con, bảo rằng: “Từ Lâm Chương trở về hướng Nam là thuộc nơi tôi đi, gọi đó là cảnh giới Niết-bàn. Từ Lâm Chương trở ra hướng bắc là thuộc phần sinh tử, là nơi các

người đến. Tôi thệ nguyện nơi chảng phải cảnh Thánh thì không bao giờ bước lên”. Sư trở lại chỗ Thiên sư Hòa, xin xuống tóc xuất gia. Được thầy truyền trao cho chánh pháp, sớm tối, Sư suy nghĩ quyết chọn, hiểu cả Huyền vi. Gặp thời Bắc Chu phá diệt Phật Pháp Sư, lánh vào rừng chằm, lại dùng thiên đạo trong ngoài dung thông.

Đến đầu niên hiệu Khai Hoàng (581) đời Tùy, gặp duyên giảng dạy, nghi thiết hoa ước, mọi việc đều dốc lòng, nên qua hai thời Pháp hội, thì dùng nước thơm rưới đất, lò xông dẫn đạo, trước Kinh sau Sư, mới đầu không một dứt bật, tẩy trừ dơ uế, gìn giữ thanh tịnh, kính trọng như giới khoa. Sư thường mở kinh đọc tụng chảng quá năm hàng, sau đó xong lại giải bày, y như lệ trước. Nên mỗi lúc giống trời trống pháp, liền cảm động cả ngàn người cùng đến. Các vật cúng thí, ít nơi nào sánh bằng. Do đó trong phòng Sư, các thứ pháp y vàng tím, y phục trên dưới có hơn trăm bộ, mỗi lúc mỗi thay đổi, vì sinh vật lợi, chỉ một lần mặc qua thân Sư, liền ban thí cho chư tăng. Ngài cảm lợi sâu đậm đại loại như thế.

Sau, nhân bị bệnh ba ngày, Sư bảo với thị giả là Sa-môn Huyền Giác rằng: “Tôi muốn thấy Phật Di-lặc, vì sao lại làm chủ cõi trời Dạ-ma?” Sư lại bảo: “Khách khứa rất đông, sự việc phải xem xét”. Có người hỏi về nguyên do. Sư bảo: “Thức tướng của hàng Phạm phu đâu thể xem xét? Đang có thiên chúng muốn đến đón rước ta!” Từ đó về sau có mùi hương lạ thoảng xông khắp phòng, chúng tăng cùng nghe biết. Sư lại bảo: “Tôi sắp đi đây! Sẽ nguyện sinh trở lại ở đời làm Thiện tri thức với nhau. Sư liền thị tịch tại chỗ ở. Lúc đó nhằm tháng sáu niên hiệu Đại nghiệp thứ hai (606) đời Tùy.

Lúc sống, Sư thường lập nguyện, muốn thả nhục thân vào nước. Sau khi Sư tịch, mọi người bèn vâng theo ý chỉ ấy, nên đem đến an táng trong vực sâu thẳm của sông Tử Mạch, ba ngày sau, đến xem thì chỗ thả ấy lại biến thành phần mộ bằng cát rất cao, mà nước chia thành hai dòng. Kẻ tăng người tục đều lấy làm lạ về điềm cao nhã ấy, lưu truyền vết tích mãi đến ngày nay.

Ngài Huyền Giác là người tâm tánh hiểu từ, học theo khuôn phép trước. Sau, Sư đến trụ chùa Trang Nghiêm ở Kinh đô, thuần giảng các Kinh Pháp Đại thừa. Đối với Văn-thù, Bát-nhã là những kinh Sư riêng lấy làm đặc ý. Vẻ vang cùng chốn đất vua, tiếng khen hiển bày cao vợi.

**9- Truyện ngài Thích Trí Thuấn trụ núi Chương Hồng ở Quận Triệu.**

Thích Trí Thuấn, họ Mạnh, người ở xứ Đại Lục thuộc Triệu Châu. Thở thiếu thời, khi còn là thơ sinh, Sư đã thông hiểu khâu sách, có tài viết chữ, nói năng khéo léo, khoan thai nường cậ.

Năm ngoài hai mươi tuổi, Sư nhàm chán thế tục bèn xuất gia, kính phụng thờ sa-môn Tăng Điều ở chùa Vân Môn, rồi đến ở núi Bạch lộ, trước sau tất cả mười năm. Sư thường ưa thích u ẩn, chẳng thích việc ồn ào, lẫn lộn. Vừa có tâm mê muội, liền có Thần kỳ hiện tướng rắn dè, như động đến Thân y, hoặc có tướng âm thanh. Lại hiện tướng mặc sắc phục màu trắng, hình lượng cao hơn trượng, đi nhiều quanh phòng viện cùng cảnh rắn, thường chẳng phải một lần.

Sư từng cùng Sa-môn Đàm Tuân đồng tu niệm định, trải qua bốn năm. Sau, Sư đi về hướng Bắc đến núi Hứa Đình ở Tán Hoàn nường tựa kết nghiệp, tiếng tăm vang xa. Có người mển Đạo đến cúng dường, Sư bèn lánh ẩn. Trải qua một năm không cần cấp giúp. Lại có người săn bắn rượt đuổi chim trĩ bay vào nơi phòng Sư. Sư tha thiết khuyên lớn nhưng họ chẳng chịu bỏ, người ấy bèn bắt chim trĩ đi. Sư không nỡ nhìn sự việc như thế, bèn cắt lỗ tai mình đưa cho người ấy. Người săn bắn ấy cảm kích sự tha thiết can ngăn của Sư nên bèn ném bỏ cung tên, mở thả chim săn, theo ngài cầu đạo, dần học kinh nghĩa. Từ đó, dốc lòng khuyên rắn mọi người trong mấy thôn bỏ nghề săn bắn. Do là do sự thành thực của Nhân từ cứu giúp!

Sau, Sư chuyên thực hành Đạo quán, chẳng theo việc hữu duyên, vọng tâm chợt khởi, không thể cấm ngăn. Sư liền cắt thịt trên đùi cho máu chảy, hoặc ôm đá nặng đi nhiều quanh tháp, chỉ khoảnh khắc liền thoát khỏi tâm lự ấy, nên trên chỗ Sư cắt thịt loang lổ như pho gấm. Tiết tháo chí thành của Sư đồng với Ngũ thành chẳng chung cùng. Sư ở trong núi rừng lâu năm, không người cắt cạo, Sư bèn dùng lửa để đốt tóc, mặc áo thô xấu, quên cả uống ăn, từng trải qua nóng lạnh, độ cảnh mà phân công, chẳng quên vợi vàng. Tánh Sư ít bị tham làm nã, tay chẳng cầm nắm tài vật. Hễ thấy người nghèo đó thì Sư lệ tuôn đầy mặt, hoặc cởi áo đang mặc để cấp cho, hoặc giảm bớt phần ăn mà ban thí. Vì bên trong thông, ngoài hóa, nên trong người thân có mười người xuất gia, đều y cứ theo hạnh Sư, luyện tâm tiết lượng, theo phong cách của Vũ Dương.

Năm sau, Tật bệnh đã xâm nhập, sức khỏe Sư đã mòn mỏi, Sư thường bảo người xưng niệm danh hiệu Phật, buộc ý tưởng vào Tịnh phương trọn đến tuổi già. Cuối cùng Sư bị bệnh khí, bỗng nhiên tăng nhiều, suốt mười lăm ngày, Sư cố gắng niệm như lúc đầu. Và Sư thị tịch nơi Thiên Phường Quạt lãnh, thuộc huyện Nguyên Thị, thọ bảy mươi hai



tuổi. Lúc đó nhằm ngày hai mươi tháng giêng niên hiệu Nhân thọ thứ tư (604) đời Tùy. Mới đầu an táng bên cạnh núi Chung Sở. Sau dân chúng ở núi Chương Hồng sát ranh giới huyện Phòng Tử vốn kính trọng đạo phong của Sư nên ban đêm đến trộm lấy quan tài nhục thể về an táng trong đỉnh núi. Tới lúc đến tìm thì đều ẩn tàng dấu vết. Ba năm sau, mở bày ra bèn trà-tỳ Di cốt và xây tháp trắng trên sườn núi để thờ.

Từ khi Sư nhập Đạo rất tinh tấn chí thành. Xưa kia, đang ở Nho tông, Sư rất tự kiêu căng, bỗng nhân một tuần đạt được pháp bất tịnh quán, ruột gan phèo phổi... chảy ra bên ngoài, gồm ghêếc chẳng thể tỏ bày, thấy người khác đều bất tịnh tràn đầy bên trong. Sư bèn đến chỗ Sa-môn Tăng Điều và được ấn chỉ. Vì tại chùa Vân Môn, quan cúng đang nghĩ là khó, nhân đó, Sư đến núi yên vắng, sớm tối thông nghiệp, chẳng thuộc công danh, chẳng làm chùa công, mà đức ngầm chứa bên trong vận chuyển vang xa đến triều đình. Nên niên hiệu Khai Hoàng thứ mười (590) đời Tùy, Vua Văn Đế (Dương Khiêm) ban sắc chiếu rằng: “Hoàng Đế kính hỏi Thiên sư Trí Thuấn ở Cốc xưa cũ tại chùa Thiên Phòng thuộc phía Nam núi Chương Hồng gần ranh giới huyện Phòng Tử thuộc Triệu Châu, ngày đông rất giá lạnh, Thiên sư đạo thể thanh tịnh tốt đẹp, giáo hóa dẫn dắt muôn loài, khiến sớm thành tựu. Trẫm rất vui mừng! Trẫm ngồi trên triệu dân, che chở chánh pháp, đêm ngày không trễ nãi. Nay sai Khai Phủ Lư Nguyên Thọ chỉ tuyên ý trước. và đưa Hương vật đi riêng”. Bấy giờ, thứ sử Triệu Châu là Dương Đạt cho rằng Sư là người không công quán, vốn bật tiếng tăm, y cứ theo sắc ban xuống mới biết, Sư được ghi danh ở chùa Đồng Quả, để tiếp thừa chiếu chỉ, mà Sư cũng chẳng đến. Dân chúng trong núi vì đó mà xây dựng chùa, ba nơi giao kết, bốn phương nghe đến, mừng ưa thích niệm Định ấy, nhưng chẳng thể tinh chuyên, nên chẳng bao lâu lại phải trở về. Đó là sức mạnh thật không thể nêu bày.

Mỗi năm đến đầu mùa Đông, Sư giáo hóa các duyên nhóm họp, may sắm nhiều áo quần chứa để, đến ban thí cho người tù. Hai mùa xuân, thu thì bình đẳng hành Đạo. Ngoài ra thì Sư ngồi kiết già trong rừng sâu trở trời chẳng ngủ, và lên tai thuận tâm dùng sức mỗi một, Sư chuyển sang đọc tụng kinh tạng, gồm được bốn biển, tay trái Sư cầm quyển, tay phải cầm đuốc, mười đêm, năm đêm, mắt không hề nhắm. Niệm danh hiệu Phật, khen ngợi công đức, Sư tụng đọc như dòng chảy. Sớm tối 6 thời lễ sám cho đến lúc thị tịch.

Sư có đệ tử là Sa-môn Trí Tán, thưở nhỏ vâng lời chỉ dạy, lúc lớn lên tỏ ngộ huyền lý. Với các bộ Nhiếp Luận, Niết-bàn đều thông hiểu,

nay đang trụ chùa hóa cảm ở Lam Điền, tu tập thiền tuệ, vẻ vang sáng ngời đầu mối, luôn có lăm điều trưng dẫn, cuối cùng ẩn lánh chốn suối rừng.

**10 - Truyện ngài Thích Trí Giai trụ chùa Đãi Lâm ở Lô Sơn thuộc Cửu Giang:**

Thích Trí Giai, họ Hạ Hầu, người ở xứ Dự Chương. Sư xuất gia từ thuở thiếu thời, trụ chùa Hưng Hoàng ở Dương Châu, nghe Lăng Công giảng về Tam luận, Sư khéo thọ nhận huyền văn, nổi tiếng ở đương thời.

Niên hiệu Khai Hoàng thứ mười lăm (595) đời Tùy, gặp được Khải Công ở núi Thiên Thai, Sư bèn tu tập thiền pháp, đặc biệt có niệm lực. Ngài Trí Khải ngợi khen quý trọng. Sau, Sư giảng các Kinh Niết-bàn, Pháp Hoa và Luật Thập tụng, truyền bá hưng thịnh, rất được kính trọng ở đương thời. Sư lại giỏi về ngoại học, Văn bút sử sách càng là sở trường. Về sau, Sư đến ở Lô Sơn xây dựng tinh xá Đại Lâm. Kết cấu ấy ban đầu đều là xây dựng chung. Sau Sư lại sửa chữa chùa Tây Lâm. Cả hai nơi trông coi giữ gìn đều trọn vẹn mọi việc, nhưng Sư giữ chí ở tại Đại Lâm, hơn hai mươi năm chân chẳng bước xuống núi, thường tu định nghiệp.

Vua Văn Đế (Dương Khiêm 581- 605) đời Tùy, rất kính trọng Sư, ban sắc thỉnh mời, nhưng Sư cáo bệnh chẳng đến. Sau, tại Dự Chương thỉnh cầu Sư giảng pháp, Sư từ chối chẳng đến, bảo rằng: “Ý tôi muốn trọn đời ở núi, đâu chết nơi Thành ấp!” Kẻ tăng người tục chí thành cầu thỉnh nhưng không được, chưa bao lâu, Sư bèn thị tịch tại chùa thuộc Châu Trị, thọ bảy mươi tám tuổi. Người đương cho rằng “Sư biết được mạng”. Lúc đó nhằm tháng sáu niên hiệu Đại Nghiệp thứ sáu (610) đời Tùy. Khí trời nóng bức mà Sư ngồi kiết già như lúc còn sống, đón rước đưa về Lô Sơn, hình sắc Sư chẳng biến đổi, đều không thối rửa, trái lại, có mùi thơm lạ. Kẻ tăng người tục khen ngợi, bèn tôn trí vào trong thạch thất, đến nay vẫn như lúc đầu.

**11- Truyện ngài Thích Trí Việt ở chùa Quốc Thanh núi Thiên Thai.**

Thích Trí Việt, họ Trịnh, người ở xứ Nam Dương. Thuở thiếu thời, Sư có chí nguyện lìa trần. Cha mẹ Sư cầu hôn cho, Sư tìm cách xin thôi. Khi lớn lên thì Sư càng tài giỏi mạnh mẽ, cao nhã đẹp xinh. Bấy giờ, Lạc Dương Điện Hạ thống ngự Kinh Châu, giao cho Sư đảm nhận chức vụ rất cao, nhưng đó chẳng phải chỗ Sư ước muốn, chỉ vì mong

xuất gia. Vua cảm kích Sư thành thực trắng trong, vì để toại với tâm nguyện xưa, nên từ khi xuống tóc về sau, Sư tùy phương hỏi Đạo.

Sư bèn đến Kim Lăng, gặp ngài Trí Giả, Sư liền xoay mặt về phía Bắc xin cầu học, được Ngài Trí Giả trao cho Thiên pháp. Sư thấu đạt sâu xa Ngũ Môn, thông hiểu Lục Diệu, giới hạnh thanh bạch, Luật nghi thuần khiết. Sư lại tụng Kinh Pháp Hoa hơn cả muôn biển. Bình nước tự đầy, đó là do năng lực của kinh. Học chúng ở đó tuy đông, nhưng Sư được đứng hàng đầu.

Có tinh xá Lộ Sơn ở Lâm Hải do một vị Phạm tăng xây dựng, luôn có nhiều điều linh dị. Ngài Trí Giả mỗi lúc đến đó đều bảo Sư cùng đi theo. Từ khi ẩn tích về sau, chúng ở núi Đài lãnh, một mình Sư dạy bảo, suốt hai mươi năm, chăm chăm Sư khéo dẫn dụ không hề trái với lời dặn dò gởi gắm, là nơi nương tựa của hai chúng, là chỗ quy hướng cao cả của bốn bộ. Dáng dấp Sư cao lớn, đức cảm đến tâm chúng sinh, rất sâu sắc. Mỗi năm đến ngày húy hỵ ngài Trí giả, vua sắc ban thiết lập trai hội cúng dường ngàn vị tăng Quan. Sư ngoài y bát ra, mọi vật đều sung vào Đại thí hội. Ngày hiến hậu qua đời, Vua Văn Đế (Dương Khiêm 581 - 605) đời Tùy thiết trai để chú nguyện, thường được cả trăm thứ, nhưng Sư chẳng cố lưu giữ. Nên Thứ sử Hoạt Châu là Trịnh Hệ Bách, Lâm Hải Trấn Tướng Dương Thần Quý, đều là những vị thầy bạn nghĩa trọng với Sư, đãi ngộ chẳng thường.

Đến ngày hai mươi ba tháng mười một Đại nghiệp thứ mười hai (616) đời Tùy, Sư bị bệnh, trải qua mười ngày, Sư nằm nghiêng hông bên phải mà thị tịch ở phòng cũ tại chùa Quốc Thanh, thọ bảy mươi bốn tuổi. Lúc Sư tịch, núi sụp đổ, đất chấn động, kẻ tặng người tục trong khu vực thấy đều thấy nghe.

Bấy giờ, tại núi Thiên Thai lại có Sa-môn Ba-nhã, họ Cao, người ở xứ Cú-ly. Vào đời Trần, Sư trở về nước, đến Kim Lăng nghe giảng pháp, hiểu sâu nghĩa vị, khi nhà Tùy an định nhà Trần, Sư đi các nơi học nghiệp. Niên hiệu Khai Hoàng thứ mười sáu (596) đời Tùy, Sư đến núi Thiên Thai, đánh lễ ngài Trí giả, cầu xin trao truyền thiên pháp. Sư là người lợi căn Thượng trí, nên liền có sở chứng. Ngài Trí giả bảo Sư rằng: “Ông có duyên ở xứ này, nên phải nhàn cư ở chỗ vắng lặng, thành đầy đủ diệu hạnh. Nay núi Thiên Thai là ngọn núi rất cao, có tên là Hoa Đảnh. Cách chùa khoảng sáu, bảy mươi dặm, là chỗ xưa kia tôi tu hạnh Đầu-đà, thần núi ở đó là người có căn tánh Đại thừa, ông hãy đến đó học đạo tấn hạnh, sẽ có lợi ích sâu mầu, chẳng cần phải lo lắng ăn mặc”. Sư liền vâng theo.

Đến niên hiệu Khai Hoàng thứ mười tám (598) đời Tùy, Sư đến chỗ núi ấy, sớm tối hành đạo, chẳng dám nằm ngủ. Suốt mười sáu năm, hình bóng Sư chẳng ra khỏi núi. Đến tháng hai niên hiệu Đại nghiệp thứ chín (613) đời Tùy, bỗng nhiên Sư tự xuống. Mới đầu đến chùa Phật Lũng thượng, Tịnh nhân thấy có ba người mặc áo trắng mang y bát đi theo Sư, giầy lát không còn thấy nữa. Sư đến chùa Quốc Thanh hạ, thăm đến người bạn thân là Sa-môn Đồng Ý mà bảo rằng: “Ba-nhã tôi tự biết tuổi thọ mình sắp hết, còn chẳng bao lâu, nên nay ra từ biệt Đại chúng!” Chưa đầy mấy ngày sau, tự nhiên không bệnh, Sư ngồi thẳng trong chánh niệm mà thị tịch tại chùa Quốc Thanh, thọ năm mươi hai tuổi. Đón rước khám về núi, ra cửa lớn của chùa, xoay kiệu biểu thị giả biệt, mắt Sư liền mở, khi đến núi mới nhắm lại. Bấy giờ, bất luận là Quan tư, tăng tục đều khen ngợi, kính ngưỡng, cùng phát đạo tâm. Ở ngoài thấy được điềm linh như thế, còn lại thân dị trong núi, mọi người chẳng thấy, nên khó rõ ràng!

Bấy giờ, tại núi Thiên Thai, lại có Sa-môn Thích Pháp Ngạn, họ Trương, người ở xứ Thanh Hà. Lúc triều đại Bắc Chu phá diệt Phật giáo, Sư lánh nạn đến đất Trần tại Kim Lăng, gặp được ngài Trí Giả. Lúc đó nhằm niên hiệu Thái Kiến thứ bảy (575) đời Trần. Sư lại theo vào núi Thiên Thai, hết lòng tỉnh nghiệp. Ngài Trí Giả truyền trao cho thiền pháp. Đã được dạy răn, Sư bèn chẳng nghỉ trong phòng nhà, mà thường ở dưới cây giữa núi rừng, chuyên tu Thiền tịch. Trong ba mươi năm, Sư thường ngồi chẳng nằm. Có lúc Sư nhập định suốt bảy ngày mới xả, nói pháp tướng sở chứng của mình cho thầy nghe. Có người nghe việc ấy, bảo rằng: “Như điều ông nói tức là tướng Quán thứ trong hai các Quán Bối Xả!” Cũng có thần núi vài lần hiện tướng quấy nhiễu thử, nhưng Sư vẫn an tọa tự nhiên, không can hệ gì đến tâm lực. Sư thị tịch tại chùa Quốc Thanh vào ngày ba mươi tháng hai niên hiệu Đại Nghiệp thứ bảy (611) đời Tùy, thọ sáu mươi sáu tuổi.

Môn nhân Đệ tử ngài Trí Giả rất đông, nhưng chỉ trình bày vài ba vị.

TỤC CAO TĂNG TRUYỆN  
(Quyển 17 hết).